

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

TRƯƠNG THỊ NHUY

**ĐẢNG LÃNH ĐẠO PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CHỐNG
CHÍNH SÁCH BÌNH ĐỊNH CỦA MỸ VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI
GÒN Ở MIỀN TÂY NAM BỘ TỪ NĂM 1965 ĐẾN NĂM 1975**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
MÃ SỐ: 9229015**

HÀ NỘI – 2026

**Công trình được hoàn thành tại
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Người hướng dẫn khoa học: 1. PGS.TS. Nguyễn Văn Nhật

2. PGS. TS. Trần Thị Vui

**XÁC NHẬN CỦA
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

PGS.TS. Trần Trọng Thơ

**Phản biện 1: PGS.TS. Nguyễn Văn Sự
Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng**

**Phản biện 2: PGS.TS. Phạm Đức Kiên
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

**Phản biện 3: PGS.TS. Hoàng Thị Thắm
Trường Đại học thương mại**

**Luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện
hợp tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
Vào hồi 15 giờ ngày 29 tháng 01 năm 2026**

**Có thể tìm hiểu luận án tại: Thư viện Quốc gia và
Thư viện Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam (1954-1975) “mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc”. Có được thắng lợi này, nhân dân Việt Nam đã phải trải qua cuộc đấu tranh gian khổ, với nhiều mất mát, hy sinh, trong đó có sự góp phần của phong trào đấu tranh chống chính sách bình định (CSBD) của Mỹ và chính quyền Sài Gòn (CQSG).

Trong quá trình tiến hành chiến tranh xâm lược Việt Nam (1954-1975), đế quốc Mỹ luôn coi "bình định" là chính sách chiến lược cơ bản hàng đầu và thực hiện nhất quán, xuyên suốt gắn liền với chính sách xâm lược thực dân mới. CSBD được tiến hành bằng việc sử dụng tổng hợp các thủ đoạn, biện pháp: chính trị, quân sự, kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục... trong đó, chính trị vừa là mục tiêu chiến lược vừa là biện pháp chủ yếu và được sử dụng thường xuyên, nhằm thực hiện mục đích cốt lõi là chiếm đất, giành dân, kiểm soát địa bàn, tiêu diệt lực lượng cách mạng, phá hoại hậu phương và căn cứ cách mạng ở miền Nam Việt Nam.

Ngay từ năm 1955, khi trở thành “Tổng thống Việt Nam Cộng hòa”, cùng với việc trấn áp các lực lượng đối lập, Ngô Đình Diệm tiến hành đàn áp lực lượng kháng chiến với chiến dịch “tổ cộng, diệt cộng”; đồng thời triển khai chương trình bình định, nhất là đối với vùng nông thôn nhằm củng cố chính quyền và chế độ Việt Nam Cộng hòa tại miền Nam. Mặc dù chính sách bình định mà Mỹ và CQSG thực hiện với nhiều biện pháp và thủ đoạn nham hiểm, song dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, Xứ ủy Nam Bộ (từ năm 1961 là Trung ương Cục miền Nam), Khu ủy Khu 9 và các cấp bộ đảng địa phương, quân và dân miền Nam đã nổi dậy, phá tan, phá rã hàng loạt ấp chiến lược. Đến cuối năm 1964, phong trào cách mạng miền Nam phát triển mạnh, chương trình bình định cũng như chế độ Sài Gòn đứng trước nguy cơ sụp đổ. Năm 1965, Tổng thống Mỹ Lyndon B. Johnson quyết định đưa quân đội Mỹ và quân đồng minh vào miền Nam Việt Nam, tiến hành chiến lược “Chiến tranh cục bộ”.

Từ năm 1965 đến năm 1975, thực hiện chiến lược “Chiến tranh cục bộ” và “Việt Nam hóa chiến tranh”, cùng với việc mở các chiến dịch nhằm “tìm diệt” lực lượng cách mạng, Mỹ và CQSG đẩy mạnh thực hiện chương trình bình định với các kế hoạch “*Bình định có trọng điểm*”, “*Xây dựng nông thôn mới*”, “*Chiến dịch Phụng hoàng*”, “*Bình định cấp tốc*”, “*Bình định phát triển*”, “*Bình định đặc biệt*”, “*Cộng đồng tự vệ*”, “*Cộng đồng phát triển địa phương*”, “*Kế hoạch Tứ niên*” v.v...

Vùng đất Tây Nam Bộ (TNB) có vị trí địa lý đặc biệt quan trọng, là địa bàn chiến lược mà cả phía địch và chính quyền cách mạng đều muốn nắm giữ nhằm giành lợi thế trong cuộc chiến tranh. Từ năm 1968, vùng Tây Nam Bộ được Mỹ và CQSG coi là trọng tâm của chương trình “Bình định” miền Nam Việt Nam. Vùng nông thôn ở các tỉnh Tiền Giang, Vĩnh Long, Trà Vinh, Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Kiên Giang, An Giang, Đồng Tháp, Bến Tre... trở thành trọng điểm của chương trình bình định. Chương trình bình định miền TNB của Mỹ và CQSG không chỉ nhằm chiếm đất, giành dân, giành quyền làm chủ nông thôn mà còn nhằm tiêu diệt lực

lượng cách mạng. Do đó, Mỹ và CQSG đã mở nhiều cuộc càn quét với quy mô lớn, đánh phá dài ngày với cường độ cao, sử dụng mọi thứ vũ khí tối tân, kể cả máy bay B52 với nhiều chiến dịch bình định lớn như: “Tổng tấn công đồng loạt”, “Nhỏ cò U Minh”, v.v... Chính sách bình định của Mỹ và chính quyền Sài Gòn đã gây nhiều khó khăn, tổn thất cho cách mạng miền Nam.

Về phía lực lượng cách mạng, miền TNB không chỉ là vùng căn cứ cách mạng của Khu ủy Khu 9 mà còn là căn cứ cách mạng quan trọng của Xứ ủy Nam Bộ, sau này là Trung ương Cục miền Nam (TU'CMN). Đứng trước chính sách bình định cực kỳ thâm độc của Mỹ và CQGS, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, mà trực tiếp là TU'CMN đã đề ra những chủ trương đúng đắn, kịp thời, chỉ đạo Khu ủy Khu 9 và các cấp bộ đảng Tây Nam Bộ tăng cường xây dựng lực lượng, đẩy mạnh đấu tranh quân sự và chính trị ở nông thôn, phát động cao trào nổi dậy của quần chúng, ra sức giành dân, giữ dân, mở rộng và củng cố vùng giải phóng, đánh bại kế hoạch bình định của địch.

Với truyền thống quật khởi, dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (BCHTUĐ), TU'CMN, trực tiếp là Khu ủy Khu 9, quân và dân Tây Nam Bộ đã vượt qua khó khăn, thách thức, anh dũng và mưu trí chiến đấu, từng bước đánh bại các âm mưu, thủ đoạn trong quá trình bình định của Mỹ và CQSG. Phong trào đấu tranh chống bình định ở TNB góp phần cùng với nhân dân miền Nam lần lượt đánh thắng các chiến lược chiến tranh của Mỹ và CQSG, góp phần cùng với nhân dân cả nước làm nên thắng lợi mùa Xuân năm 1975, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Hiện nay, TNB có vị trí chiến lược quan trọng về chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh đối với đất nước và khu vực. Do đó, trong thời gian qua, Bộ Chính trị và Chính phủ đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, đề án nhằm phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đất này.

Việc nghiên cứu quá trình Đảng lãnh đạo phong trào đấu tranh chống chính sách bình định của Mỹ và CQSG tại miền TNB từ năm 1965 đến năm 1975, góp phần làm rõ chủ trương và sự chỉ đạo sáng suốt của Đảng; tinh thần quật khởi của nhân dân Tây Nam Bộ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (KCCMCN) đầy khó khăn, gian khổ nhưng vô cùng oanh liệt.

Nghiên cứu quá trình Đảng lãnh đạo phong trào đấu tranh chống chính sách bình định của Mỹ và CQSG tại miền TNB nhằm rút ra những bài học kinh nghiệm về xây dựng tổ chức cơ sở đảng vững mạnh, làm hạt nhân lãnh đạo đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, xuyên tạc lịch sử vùng đất TNB; bài học về lấy “dân làm gốc”, “trọng dân, yêu dân, thân dân, bám dân”, phát huy thế trận lòng dân, xây dựng thế trận an ninh nhân dân gắn với thế trận quốc phòng toàn dân; bài học về đoàn kết toàn dân trên cơ sở đoàn kết, gắn bó giữa hai dân tộc Kinh - Khmer trong công cuộc xây dựng và phát triển vùng đồng bằng sông Cửu Long ngày càng giàu đẹp, góp phần cùng cả nước thực hiện mục tiêu xây dựng nước Việt Nam giàu mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, phồn vinh, hạnh phúc.

Với những lý do nêu trên, nghiên cứu sinh đã chọn đề tài: *“Đảng lãnh đạo phong trào đấu tranh chống chính sách bình định của Mỹ và chính quyền Sài Gòn ở miền Tây Nam Bộ từ năm 1965 đến năm 1975”* làm đề tài luận án tiến sĩ.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu làm rõ quá trình Đảng lãnh đạo phong trào đấu tranh chống chính sách bình định của Mỹ và CQSG ở miền TNB từ năm 1965 đến năm 1975; đánh giá thành công, hạn chế,

góp phần làm rõ thêm tinh thần yêu nước, sự sáng tạo của nhân dân miền TNB trong hoàn cảnh buộc phải đứng lên chiến đấu để giữ đất, giành quyền làm chủ. Trên cơ sở đó, đúc rút những kinh nghiệm từ quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh chống CSBD của Mỹ và CQSG ở miền TNB từ năm 1965 đến năm 1975.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Làm rõ những yếu tố tác động đến sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào đấu tranh chống CSBD ở miền TNB giai đoạn 1965-1975;

- Làm rõ quan điểm, chủ trương của Trung ương Đảng, Trung ương Cục miền Nam đối với phong trào đấu tranh chống CSBD của Mỹ và CQSG ở miền TNB giai đoạn 1965-1975;

- Trình bày, phân tích quá trình chỉ đạo của Trung ương Đảng, Trung ương Cục miền Nam và Khu ủy, Tỉnh ủy các địa phương Tây Nam Bộ đối với phong trào đấu tranh chống CSBD của Mỹ và CQSG ở miền TNB giai đoạn 1965-1975;

- Đánh giá, nhận xét về sự lãnh đạo của Đảng trong phong trào đấu tranh chống CSBD của Mỹ và CQSG ở TNB từ năm 1965 đến năm 1975; nêu kết quả, hạn chế, chỉ ra nguyên nhân và đúc rút một số kinh nghiệm qua thực tiễn Đảng lãnh đạo đấu tranh chống địch bình định ở TNB giai đoạn 1965-1975.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận án nghiên cứu quá trình Đảng và các cấp bộ Đảng lãnh đạo phong trào đấu tranh chống chính sách, chương trình bình định của Mỹ và chính quyền Sài Gòn ở khu vực Tây Nam Bộ từ năm 1965 đến năm 1975.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Về thời gian*: Luận án nghiên cứu quá trình Đảng lãnh đạo phong trào đấu tranh chống CSBD của Mỹ và CQSG ở miền TNB từ năm 1965 đến năm 1975.

Luận án lấy mốc khởi đầu năm 1965 vì đây là năm đế quốc Mỹ bắt đầu thực hiện chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, đưa quân đội Mỹ và quân các nước đồng minh Mỹ vào trực tiếp tham chiến ở miền Nam Việt Nam và đi cùng với chiến lược “Chiến tranh cục bộ” là chính sách “Tìm diệt” và “Bình định”. Mốc kết thúc vào tháng 4-1975, khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước toàn thắng với Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử và đồng thời với đó là việc kết thúc “Kế hoạch Tứ niên” 1972-1975” cùng các kế hoạch bình định khác của Mỹ và CQSG.

Luận án phân chia và trình bày quá trình Đảng lãnh đạo phong trào đấu tranh chống CSBD của Mỹ và CQSG ở miền TNB theo hai giai đoạn 1965-1968 và 1969-1975 trên cơ sở cách mạng miền Nam chống lại hai chiến lược chiến tranh của Mỹ: “Chiến tranh cục bộ” (1965-1968) và “Việt Nam hóa chiến tranh” (1969-1975). Bên cạnh đó, luận án trình bày một cách khái quát về chính sách bình định và quá trình Đảng lãnh đạo phong trào đấu tranh chống CSBD của Mỹ và CQSG ở miền TNB trước năm 1965.

- *Về không gian*: Quá trình Đảng lãnh đạo phong trào đấu tranh chống CSBD nông thôn của Mỹ và CQSG thời kỳ 1965 - 1975 ở địa bàn TNB (thuộc Quân khu 9), gồm các tỉnh Vĩnh Long, Trà Vinh, Cần Thơ, Sóc Trăng, Cà Mau (giai đoạn này Bạc Liêu bị chia cắt thành hai phần, một phần nhập vào Sóc Trăng, một phần nhập vào Cà Mau), Rạch Giá và Hà Tiên. Hiện nay, khu vực này thuộc các tỉnh An Giang, Cà Mau, Vĩnh Long và thành phố Cần Thơ.

- *Về nội dung*: Luận án nghiên cứu quá trình Đảng lãnh đạo phong trào đấu tranh chống CSBD

của Mỹ và CQSG ở khu vực TNB từ năm 1965 đến năm 1975, trong đó, chủ yếu tập trung nghiên cứu, làm rõ: Âm mưu, thủ đoạn của Mỹ và CQSG trong việc thực hiện CSBĐ giai đoạn 1965 - 1975; Quan điểm, chủ trương của Trung ương Đảng, Trung ương Cục miền Nam và sự chỉ đạo của Khu ủy Khu 9, của các cấp ủy đảng miền Tây Nam Bộ về chống CSBĐ của Mỹ và CQSG (1965-1975); Những kết quả đạt được cũng như những hạn chế trong sự lãnh đạo của Đảng chống CSBĐ của Mỹ và CQSG ở miền TNB (1965-1975). Từ nội dung luận án, tác giả rút ra một số bài học kinh nghiệm qua quá trình Đảng lãnh đạo phong trào đấu tranh chống CSBĐ của Mỹ và CQSG ở khu vực TNB từ năm 1965 đến năm 1975.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án dựa trên những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Trung ương Đảng và Đảng bộ địa phương về chiến tranh cách mạng, chiến tranh nhân dân, về vai trò của quần chúng nhân dân.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng hai phương pháp chủ yếu là phương pháp lịch sử kết hợp phương pháp logic. Ngoài ra, còn sử dụng các phương pháp khác như: phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh; các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành lịch sử như phương pháp đồng đại, lịch đại và phương pháp nghiên cứu đặc thù của khoa học lịch sử Đảng là lấy các văn bản nghị quyết, chỉ thị của Đảng, các cấp bộ Đảng làm cơ sở đối chiếu với sự kiện lịch sử trong thực tiễn để làm rõ nội dung của đề tài.

5. Đóng góp mới của luận án

- Góp phần bổ sung tài liệu khoa học về sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào đấu tranh chống chính sách, chương trình bình định của Mỹ và CQSG ở miền TNB giai đoạn 1965 – 1975.
- Đúc rút những kinh nghiệm để vận dụng vào thực tiễn xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc giai đoạn hiện nay.
- Cung cấp thêm những luận cứ khoa học, tư liệu, tài liệu trong việc nghiên cứu, tuyên truyền Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Luận án còn như là một tài liệu tham khảo phục vụ cho công việc giảng dạy, học tập lịch sử Đảng, lịch sử địa phương và phục vụ công tác giáo dục truyền thống quê hương cho thế hệ trẻ sau chiến tranh.

6. Bố cục của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo và Phụ lục, nội dung luận án gồm có bốn chương, 10 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1.1. Công trình nghiên cứu trong nước

1.1.1.1. Công trình nghiên cứu đề cập đến nội dung chống chính sách bình định

* Các công trình nghiên cứu liên quan đến nội dung chống chính sách bình định của Mỹ và chính quyền Sài Gòn

Tiêu biểu là các công trình như: “*Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước: Thắng lợi và bài học*” và “*Chiến tranh cách mạng Việt Nam (1945-1975) Thắng lợi và bài học*” của Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh, trực thuộc Bộ Chính trị; “*Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*”, tập II của Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh (1995); “*Tổng tập Trần Văn Giàu*” của Giáo sư Trần Văn Giàu (2006); “*Tết Mậu Thân 1968 - Bước ngoặt lớn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước*” của tác giả Hồ Khang (2008); “*Lịch sử Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954-1975)*” do PGS.TS. Nguyễn Quý chủ biên (2015); “*Lịch sử Việt Nam, tập 13 từ năm 1965 đến năm 1975*” do PGS.TS. Nguyễn Văn Nhật chủ biên (2017); công trình “*Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước*”, gồm 9 tập của Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam - Bộ Quốc phòng v.v...

Các công trình này có cách tiếp cận khác nhau về đấu tranh chống CSBD trên nhiều địa bàn, bao quát, toàn diện về thời gian và không gian đấu tranh chống CSBD trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

** Các công trình nghiên cứu chuyên khảo về đấu tranh chống chính sách bình định của Mỹ và chính quyền Sài Gòn ở miền Nam*

Cuốn sách “*Phong trào chống phá bình định nông thôn ở Nam Bộ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1969-1972)*” của tác giả Hà Minh Hồng (2000); Cuốn sách “*Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh chống phá “quốc sách” áp chiến lược của Mỹ-ngụy ở miền Nam Việt Nam (1961-1965)*” của tác giả Trần Thị Thu Hương (2003); “*Đảng lãnh đạo phong trào đấu tranh chống chương trình bình định của Mỹ và chính quyền Sài Gòn tại miền Đông Nam Bộ từ 1961 đến 1965*” của tác giả Trần Như Cương (2003); Cuốn sách “*Phong trào đấu tranh chống phá áp chiến lược*” của tác giả Nguyễn Công Thục (2006); Công trình “*Lịch sử phong trào đấu tranh chống phá bình định trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)*”, gồm 4 tập do Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam – Bộ Quốc phòng biên soạn, xuất bản năm 2014, 2015, 2018 và 2019 v.v..

Các công trình nghiên cứu chuyên khảo về đấu tranh chống chính sách bình định của Mỹ và chính quyền Sài Gòn ở miền Nam tập trung làm rõ sự chỉ đạo sâu sát, liên tục, từng bước, kịp thời và đúng đắn của Trung ương Đảng, các Đảng bộ địa phương đối với phong trào đấu tranh chống CSBD ở miền Nam nói chung và Tây Nam Bộ nói riêng. Những công trình này là tài liệu quan trọng cung cấp nhiều tư liệu lịch sử quý cho tác giả luận án.

1.1.1.2. Công trình nghiên cứu về đấu tranh chống chính sách bình định ở khu vực Tây Nam Bộ

Kỷ yếu “*Đánh bại 75 tiểu đoàn ngụy bình định lấn chiếm Chương Thiện sau Hiệp định Paris*” (1990) do Ban chỉ đạo và tổ chức những ngày lễ lớn tỉnh Hậu Giang (cũ) tổ chức Hội thảo khoa học; Cuốn sách “*Lực lượng vũ trang nhân dân Cần Thơ 30 năm kháng chiến 1945 – 1975*”, do Đảng ủy - Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Cần Thơ chỉ đạo biên soạn, đại tá Lê Trọng Nghĩa chủ biên (2002); Cuốn sách “*Căn cứ địa U Minh 1945-1975*” của tác giả Trần Ngọc Long (2007); Cuốn sách “*Tổng tiến công – nổi dậy năm 1968 và đánh địch bình định từ năm 1968 đến năm 1973 ở đồng bằng sông Cửu Long*” (2008) do Đảng ủy – Bộ tư lệnh Quân khu IX chỉ đạo biên soạn; Công trình “*Lịch sử Tây Nam Bộ kháng chiến*” của Ban biên soạn Lịch sử Tây Nam Bộ kháng chiến (2010), gồm 3 tập; Về phong trào chống phá áp chiến lược ở TNB, còn có công trình: “*Phong trào chống, phá áp chiến lược ở miền Tây Nam Bộ (1961-1965)*” của tác giả Phạm Đức Thuận (2018). Ngoài ra, còn có các tài liệu về lịch sử Đảng bộ ở các tỉnh, thành thuộc khu vực

TNB, bao gồm: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hậu Giang (1987), “*Hậu Giang 21 năm kháng chiến chống Mỹ*” (1987); “*Quân khu 9 - 30 năm kháng chiến (1945 - 1975)*” của Bộ Tư lệnh Quân khu 9; “*Lịch sử Tây Nam Bộ kháng chiến*” của Ban Biên soạn Lịch sử Tây Nam Bộ kháng chiến; “*Sơ thảo Lịch sử Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng*”; “*Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bạc Liêu*”, Tập 1 (1927-1975); “*Lịch sử Đảng bộ tỉnh Cà Mau*, tập 1 (1930-1975)”; “*Lịch sử tỉnh Trà Vinh*”, tập 3 (1954-1975); “*Lịch sử Đảng bộ tỉnh Cần Thơ (1954 - 1975)*”, tập 3 (1954-1975); “*Kiên Giang kháng chiến chống Mỹ (1954-1975)*”; “*Lịch sử Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long (1930 - 2010)*” v.v...

Các công trình này đã phản ánh tương đối toàn diện cuộc KCCMCN của nhân dân các tỉnh miền TNB dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, TŨCMN, Khu ủy Khu 9, Đảng bộ các địa phương Tây Nam Bộ, trong đó, có những chiến công của quân và dân ở miền TNB chống chương trình bình định của Mỹ và CQSG những năm KCCMCN. Đây là những công trình quan trọng cung cấp những tư liệu lịch sử quý giá cho tác giả luận án.

1.1.2. Công trình nghiên cứu ở nước ngoài

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam thu hút được sự quan tâm nghiên cứu của đông đảo học giả nước ngoài, có một số tác giả đã từng tham gia vào cuộc chiến tranh này. Các công trình nghiên cứu của học giả nước ngoài liên quan đến đề tài luận án như:

Cuốn sách “*Tiếng kèn gọi quân*” (*Summons of the Trumpet: A History of the Vietnam War from a Military Man's Viewpoint*) của Dave Richard Palmer (1984); “*Sự lừa dối hào nhoáng*” của Neil Sheehan (1990); “*Việt Nam - cuộc chiến tranh mười nghìn ngày*” của Michael Maclear (1990); “*Giải phẫu một cuộc chiến tranh*” của nhà sử học Mỹ Gabriel Kolko; “*Nhìn lại quá khứ - Tán tẩm kịch và những bài học về Việt Nam*”, của Robert S. McNamara (1995); “*Cuộc chiến tranh dài ngày nhất của nước Mỹ*” của George C. Herring (1998); “*Hồ sơ mật Lầu Năm Góc và hồi ức về chiến tranh Việt Nam*” của Daniel Ellsberg (2018). Các công trình này phản ánh những nhận định, quan điểm, đánh giá của các học giả nước ngoài về cuộc chiến tranh mà Mỹ tiến hành ở Việt Nam (1954-1975). Các tác giả đi tìm nguyên nhân Mỹ thất bại trong cuộc chiến tranh Việt Nam, nhân tố tạo nên sức mạnh của Việt Nam. Phần lớn các tác giả đều nhìn nhận: chính chủ nghĩa yêu nước, truyền thống đoàn kết, tinh thần kiên cường, bất khuất là những nhân tố làm nên thắng lợi của Việt Nam.

1.2. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN TẬP TRUNG GIẢI QUYẾT

1.2.1. Đánh giá kết quả nghiên cứu của các công trình liên quan đến luận án

Qua những kết quả nghiên cứu đã công bố có thể thấy đã có rất nhiều các công trình nghiên cứu của các học giả trong và ngoài nước viết về cuộc KCCMCN. Trong các công trình đó nội dung về bình định và chống bình định được đề cập, phản ánh ở những mức độ khác nhau:

Về tư liệu: ở các mức độ khác nhau, các công trình như sách, luận án, các bài viết trên các tạp chí chuyên ngành đã cung cấp các số liệu cụ thể về cuộc KCCMCN của nhân dân Việt Nam (1954-1975); về cuộc đấu tranh chống phá ấp chiến lược và chống CSBD của Mỹ và CQSG ở miền Nam từ năm 1972 trở về trước; về phong trào chống CSBD của Mỹ và CQSG ở miền TNB giai đoạn từ năm 1965 trở về trước.

Về nội dung:

- Một số công trình khoa học đã phác họa được bối cảnh lịch sử của cuộc KCCMCN của nhân dân Việt Nam, đặc biệt là những khó khăn, thách thức mà nhân dân Việt Nam phải đối mặt.

- Làm rõ được chủ trương, quan điểm của Đảng nói chung về cuộc KCCMCN, trong đó có liên quan tới chủ trương, quan điểm chống bình định, giữ đất, giành dân, xây dựng và bảo vệ lực lượng cách mạng ở miền Nam nói chung và khu vực Tây Nam Bộ nói riêng.

- Đánh giá những thắng lợi vĩ đại của cuộc KCCMCN trong đó đề cập tới thành công của Đảng trong lãnh đạo nhân dân chống phá ấp chiến lược, chống CSBD ở TNB qua các giai đoạn của cuộc kháng chiến.

Về phương pháp: Các công trình nói trên được các tác giả sử dụng những phương pháp chuyên ngành lịch sử, kết hợp phương pháp lịch sử và phương pháp logic. Tác giả cũng đã sử dụng một số phương pháp khác như: phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh; điền dã, khảo sát,... để nghiên cứu, luận giải các vấn đề nêu trên và phản ánh những nội dung cơ bản ở những mức độ, khía cạnh khác nhau.

Nhìn chung, các công trình đã nghiên cứu về chương trình bình định và chống CSBD của Mỹ và CQSG trong thời kỳ KCCMCN mới chỉ dừng lại ở những nét khái quát, trên bình diện chung miền Nam từ trước năm 1973 và ở miền TNB từ năm 1965 trở về trước. Chưa có công trình nào đi sâu nghiên cứu một cách có hệ thống về quá trình Đảng lãnh đạo phong trào đấu tranh chống CSBD của Mỹ và CQSG tại miền TNB từ năm 1965 đến năm 1975. Chính vì vậy, còn rất nhiều vấn đề cả lý luận và thực tiễn cần được tiếp tục nghiên cứu.

Các công trình nghiên cứu liên quan trực tiếp hay gián tiếp đến đề tài đều có ý nghĩa quan trọng với luận án. Đó là những nguồn tư liệu quý giá rất phong phú và hữu ích cho tác giả trong thực hiện đề tài nghiên cứu của mình. Trong luận án: *“Đảng lãnh đạo phong trào đấu tranh chống chính sách bình định của Mỹ và chính quyền Sài Gòn ở miền Tây Nam Bộ từ năm 1965 đến năm 1975”*, tác giả có sự kế thừa những kết quả của các nhà nghiên cứu đi trước ở một số vấn đề sau:

- Thứ nhất, phương pháp luận nghiên cứu vấn đề về phong trào chống CSBD của Mỹ và CQSG, từ đó nắm vững lý luận về CSBD, khảo cứu tài liệu, tham chiếu thực tế phong trào chống CSBD trên chiến trường miền Nam nói chung và TNB nói riêng.

- Thứ hai, những vấn đề lý luận về phong trào chống CSBD trong thời kỳ KCCMCN: về phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, chiến tranh nhân dân, về sự kết hợp ba mũi giáp công (quân sự, chính trị, binh vận) trong phong trào chống CSBD của Mỹ và CQSG.

- Thứ ba, trên cơ sở hệ thống tư liệu về phong trào chống CSBD của Mỹ và CQSG trên bình diện chung miền Nam để có cái nhìn tổng quan, từ đó có sự so sánh, đối chiếu, tìm ra những nét đặc điểm riêng của phong trào chống CSBD ở miền TNB, qua đó đúc rút những bài học kinh nghiệm trong cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

1.2.2. Những vấn đề luận án tập trung giải quyết

Trong khuôn khổ đề tài luận án tiến sĩ, nghiên cứu sinh tập trung nghiên cứu, giải quyết những vấn đề sau:

- Những yếu tố tác động đến phong trào đấu tranh chống CSBD của Mỹ và CQSG ở TNB, như: bối cảnh lịch sử, điều kiện tự nhiên, dân cư, dân tộc, tôn giáo tín ngưỡng và truyền thống đấu tranh cách mạng ở khu vực TNB và kết quả phong trào chống CSBD trước năm 1965, tạo cơ sở cho phong trào chống CSBD giai đoạn sau.

- Làm rõ vai trò quan trọng, bức thiết về phong trào đấu tranh chống CSBD của Mỹ và CQSG tại miền TNB từ năm 1965 đến năm 1975.

- Trình bày một cách có hệ thống và toàn diện về quan điểm, chủ trương của Đảng về chống CSBD nói chung và đấu tranh chống CSBD của Mỹ và CQSG tại miền TNB từ năm 1965 đến năm 1975.

- Làm rõ quá trình các Đảng bộ và quân, dân TNB đấu tranh chống CSBD của Mỹ và CQSG tại đây từ năm 1965 đến năm 1975.

- Từ những thành công và hạn chế của quá trình Đảng lãnh đạo phong trào đấu tranh chống CSBD của Mỹ và CQSG tại miền TNB từ năm 1965 đến năm 1975, luận án đúc kết một số kinh nghiệm chủ yếu góp phần vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn hiện nay.

Chương 2

ĐẢNG LÃNH ĐẠO PHONG TRÀO CHỐNG CHÍNH SÁCH BÌNH ĐỊNH CỦA MỸ VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN Ở MIỀN TÂY NAM BỘ GIAI ĐOẠN 1965-1968

2.1. KHÁI QUÁT VỀ MIỀN TÂY NAM BỘ VÀ PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CHỐNG CHÍNH SÁCH BÌNH ĐỊNH CỦA MỸ VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN TRƯỚC NĂM 1965

2.1.1. Đặc điểm tự nhiên, dân cư, kinh tế, văn hóa, xã hội vùng Tây Nam Bộ

Tây Nam Bộ ở vùng đất cực Nam của Tổ quốc, có vị trí chiến lược quan trọng về chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh. Tây Nam Bộ là vùng đất đa dân tộc: có bốn tộc người chính tới định cư và khai phá vùng TNB là Kinh, Khmer, Hoa, Chăm. Quá trình cộng cư đã diễn ra sự giao lưu văn hóa giữa các tộc người. Họ cùng sinh sống hòa hợp trên một vùng đồng bằng trù phú, khiến cho văn hóa TNB mang tính đa tộc người rất đặc sắc nhưng vẫn có tính thống nhất cao. Tây Nam Bộ cũng là vùng đất đa tôn giáo, tín ngưỡng. Truyền thống yêu nước và cách mạng của nhân dân TNB được hình thành, hun đúc gắn liền với quá trình khăn hoang, mở nước và giữ nước.

Trung ương Cục miền Nam đánh giá vai trò, vị trí, tiềm lực của vùng đất TNB như sau: “T3 (TNB) là khu vực có tiềm lực rất lớn (cả về chính trị, kinh tế, quân sự) là chiến trường địch suy yếu, là nơi ta có khả năng to lớn và những điều kiện rất cơ bản để giải phóng phần lớn nông thôn, tận dụng sức người, sức của, phát triển thế và lực mới làm chuyển biến nhanh tình hình và đưa phong trào tiến lên bước phát triển mới”. Chính vì vậy, giữa ta và địch bên nào giành được TNB thì sẽ có thế và lực lớn về chính trị, kinh tế, quân sự trong cuộc chiến tranh.

Những điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội thuận lợi và truyền thống cách mạng yêu nước cùng những kinh nghiệm của quá trình đấu tranh xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân TNB là cơ sở để TUCMN và đảng bộ các địa phương nơi đây thực hiện chính sách đoàn kết dân tộc, huy động toàn dân tham gia cuộc KCCMCN, kiên quyết đấu tranh chống lại CSBD của Mỹ và CQSG trong các giai đoạn lịch sử.

2.1.2. Âm mưu, thủ đoạn và hoạt động bình định của Mỹ và chính quyền Sài Gòn ở Tây Nam Bộ trước năm 1965

Trong chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam, chính sách bình định (pacification plan) đã được chú ý ngay từ đầu cuộc chiến. Mỹ và CQSG thực hiện bình định thông qua những chương trình, kế hoạch, biện pháp hành động của cả bộ máy CQSG (sử dụng lực lượng công an, quân đội, mật vụ, dân vệ, tề, bảo an...), đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của cố vấn quân sự và dân sự Mỹ. Chính sách này được triển khai liên tục, gắn liền và tương ứng với mỗi chiến lược chiến tranh dưới những tên gọi khác nhau, quy mô ngày càng lớn.

Từ năm 1954 đến năm 1965, Mỹ và CQSG đã tiến hành biện pháp chiến lược “Tổ cộng, diệt

cộng” rồi sau đó là chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”. Qua từng chiến lược chiến tranh, Mỹ và CQSG đã thực hiện nhiều chương trình bình định như sau: Chiến dịch “Tổ cộng, diệt cộng”, ra đời vào ngày 7-7-1955. Cùng với chương trình “Tổ cộng, diệt cộng”, từ năm 1955 đến năm 1959, CQSG tiến hành chương trình về kinh tế - xã hội: “Cải cách điền địa” (2-1955), lập các khu “Dinh điền” (1957-1958), “Khu trừ mật” (1959-1960) để giành dân, nắm dân, đẩy lùi ảnh hưởng của cách mạng trong nhân dân ở miền Nam. Từ năm 1961, Mỹ tiến hành chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, trực tiếp can thiệp quân sự vào miền Nam Việt Nam. Trong Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, Mỹ và CQSG âm mưu bình định miền Nam bằng quốc sách “áp chiến lược”, thông qua hai kế hoạch: “Kế hoạch Xtalây - Taylo” và “Kế hoạch Giônxon – Mắcnamara”. Qua đó, địch tiến hành các cuộc hành quân càn quét đánh phá, tiêu diệt lực lượng cách mạng; dồn dân, di dân vào các “ấp tân sinh”, nhằm giành dân, giữ dân, tách dân ra khỏi lực lượng cách mạng.

2.1.3. Quá trình Đảng lãnh đạo, chỉ đạo chống bình định của địch ở Tây Nam Bộ trước năm 1965

Ngay từ khi CSBD của Mỹ và chính quyền Sài Gòn vừa được triển khai, các cuộc đấu tranh chống “tổ cộng, diệt cộng” diễn ra với quy mô lớn và khốc liệt hơn, quân dân TNB tự tìm cách tồn tại và phát triển bằng nhiều hình thức: tiến hành diệt ác, trừ gian; xây dựng các lờm chính trị, các “làng rừng” (sau phát triển thành các căn cứ cách mạng). Kết quả, phong trào đấu tranh chống “Tổ cộng, diệt cộng” ở khu vực TNB trong những năm 1957-1958, ta đã “diệt ác, trừ gian” hàng ngàn tên địch, gồm chỉ huy bảo an, dân vệ, có cả quận trưởng, cảnh sát trưởng, mật thám, chỉ điểm...

Nhận thức rõ yêu cầu cách mạng và nguyện vọng của nhân dân miền Nam, tại Hội nghị Trung ương lần thứ 15 (1959), Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành Nghị quyết về cách mạng miền Nam, chủ trương kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang nhằm đánh đổ tập đoàn thống trị Ngô Đình Diệm, tiến tới giải phóng miền Nam. Dưới ánh sáng của Nghị quyết 15, từ tháng 1-1960, phong trào nổi dậy khởi nghĩa từng phần của nhân dân miền Nam diễn ra khắp nông thôn và miền núi (còn gọi là phong trào Đồng khởi). Thắng lợi của cao trào Đồng khởi ở miền Nam đã giành quyền làm chủ về cho nhân dân ở nhiều vùng nông thôn rộng lớn, giáng một đòn mạnh vào bộ máy kìm kẹp của địch ở miền Nam, làm thất bại kế hoạch gom dân, dồn dân lập khu Dinh điền, khu Trừ mật, góp phần làm phá sản chương trình bình định của Mỹ và CQSG ở TNB và miền Nam nói chung trong giai đoạn 1954-1960.

Từ năm 1961, Mỹ tiến hành chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” bằng kế hoạch ba giai đoạn, với giai đoạn một là bình định miền Nam trong 18 tháng (6-1961 đến 12-1962) bằng biện pháp chủ yếu là gom dân lập “Áp chiến lược” (1961-1963), “Áp đòi mới” (1964), “Áp tân sinh” (1965), thực hiện “tát nước bắt cá” để tiêu diệt lực lượng cách mạng. Bước vào giai đoạn chống chương trình bình định bằng biện pháp gom dân lập “Áp chiến lược” của địch, tại Hội nghị Bộ Chính trị vào tháng 2-1962, Đảng chủ trương: “Phá áp chiến lược, phá thế kìm kẹp của địch... là nhiệm vụ có tính chất cấp bách đồng thời là một nhiệm vụ lâu dài”. Đến tháng 11-1962, Trung ương Cục miền Nam tiến hành Hội nghị dân quân du kích, chủ trương: Địch kìm kẹp, ta phá thế kìm kẹp; địch càn quét, ta chống càn quét; địch lập áp chiến lược, ta phá áp chiến lược.

Thực hiện chủ trương trên, quân và dân miền Nam nêu cao tinh thần quyết tâm đánh địch càn quét, chống phá áp chiến lược của địch. Nổi bật trong phong trào chống phá áp chiến lược là trận đánh Ấp Bắc của quân và dân Mỹ Tho (Tiền Giang) vào tháng 1-1963.

Sau trận chống càn ở Ấp Bắc (2-1-1963), Trung ương Cục mở Hội nghị chống phá áp chiến lược trên toàn Miền lần thứ nhất (tháng 6-1963), đúc kết kinh nghiệm phá áp chiến lược ở Mỹ Tho, Trung ương Cục chủ trương: “Chống phá, khu áp chiến lược là công tác trọng tâm hàng đầu của Đảng trong tình hình hiện nay”.

Thực hiện chủ trương trên, tháng 7-1963, toàn miền Nam bước vào đợt chống phá áp chiến lược thứ hai. Trong đợt này, lực lượng cách mạng bao vây tấn công tiêu diệt các chi khu, đồn bót địch, hỗ trợ cho nhân dân trong các ấp chiến lược nổi dậy, phá kềm kẹp, giành quyền làm chủ. Từ năm 1964 trở đi, phong trào chống phá áp chiến lược, ấp tân sinh ở Nam Bộ có sự kết hợp ba mũi giáp công (chính trị, quân sự, binh vận cùng tấn công địch) và phong trào nhân dân tham gia chiến tranh du kích rộng khắp. Quân và dân các địa phương kết hợp chặt chẽ giữa chống phá áp chiến lược với chống địch càn quét, đẩy mạnh các hình thức đấu tranh chính trị của quần chúng; có sự kết hợp chặt chẽ giữa chống phá áp chiến lược ở nông thôn với đấu tranh ở đô thị; lực lượng vũ trang từng bước được hình thành, hỗ trợ mạnh mẽ phong trào chống phá áp chiến lược, bình định nông thôn của địch.

2.2. CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG CHỐNG CHÍNH SÁCH BÌNH ĐỊNH CỦA MỸ VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN GIAI ĐOẠN 1965-1968

2.2.1. Tình hình miền Nam sau năm 1965 và chính sách bình định của Mỹ và chính quyền Sài Gòn giai đoạn 1965-1968

Bị thất bại trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, đế quốc Mỹ đưa quân đội Mỹ trực tiếp tham chiến tại Việt Nam bằng chiến lược “Chiến tranh cục bộ” - mức cao nhất trong chiến lược quân sự toàn cầu “Phản ứng linh hoạt” của chính quyền Mỹ. Mục đích của chiến lược “Chiến tranh cục bộ” là tiếp tục bình định miền Nam, tiêu diệt lực lượng vũ trang và các cơ sở hạ tầng của lực lượng cách mạng; thu phục “trái tim”, “khôỉ óc” của người dân miền Nam; thiết lập một thể chế tổ chức hành chính thống nhất trên toàn miền Nam, áp đặt kiểu thống trị thực dân kiểu mới ở miền Nam Việt Nam.

Chính sách bình định của Mỹ triển khai ở miền Nam Việt Nam thông qua các chương trình, kế hoạch, biện pháp hành động của cả bộ máy CQSG (quân đội, công an, cảnh sát,...), dưới sự chỉ đạo trực tiếp của những cố vấn quân sự và dân sự Mỹ, nhằm “chiếm đất, giành dân” trên các địa bàn miền Nam Việt Nam trong suốt cuộc chiến tranh Việt Nam (1954-1975). Tuy nhiên, ở mỗi chiến lược chiến tranh, Mỹ đều thực hiện các chương trình bình định tương ứng với tên gọi khác nhau, kèm những chủ trương, biện pháp và quy mô khác nhau.

Tháng 10 - 1966, chương trình “Xây dựng nông thôn mới” ra đời và chính thức áp dụng vào cuối năm 1966, mở đầu bằng việc xây dựng “Ấp tân sinh”, “Ấp đời mới” với khẩu hiệu “phá đời cũ, xây đời mới”. Đây là bước tiến của CSBD giành dân của địch. Mục tiêu là: “Tiêu diệt cộng sản nằm vùng - Tiêu diệt cường hào ác bá - Xóa bỏ hận thù, xây dựng một tinh thần mới - Tổ chức các cơ sở dân chủ nhân dân và hành chánh - Tổ chức nhân dân đấu tranh chống Việt cộng - Thanh toán nạn mù chữ - Tấn công bệnh tật - Cải cách ruộng đất - Phát triển nông nghiệp và tiểu công nghiệp - Phát triển hệ thống giao liên”.

Bên cạnh đó, để đẩy mạnh hoạt động do thám, gián điệp, huy động tối đa lực lượng đánh phá cách mạng, ngày 1-7-1968, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu ký sắc lệnh số 280a/TT/SL về việc thiết lập Kế hoạch “Phụng Hoàng”. Thực tế cho thấy “Kế hoạch Phụng Hoàng” do CQSG ban hành, song được nuôi dưỡng bởi chính quyền Mỹ, do cố vấn Mỹ chỉ huy, phục vụ chiến tranh xâm lược

của Mỹ. Ủy ban Phụng Hoàng đặt ra mục tiêu tiêu diệt hạ tầng cơ sở của Việt Cộng nhằm duy trì an ninh trật tự tại địa phương nên địa bàn hoạt động chủ yếu của Ủy ban Phụng Hoàng các cấp là ở các vùng nông thôn, trong đó khu vực TNB là trọng điểm thực hiện kế hoạch này.

Từ tháng 10-1968 trở đi, Mỹ và CQSG tiếp tục tập trung vào vùng nông thôn đồng bằng với chương trình “bình định cấp tốc”. Mục tiêu nhằm khôi phục thể kềm kẹp các ấp đã bị phá vỡ trong các đợt tiến công và nổi dậy của ta. Trọng tâm bình định là các tỉnh quanh Sài Gòn, Khu 5 và Trị - Thiên, vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Có thể thấy đặc điểm nổi bật của CSBD nông thôn của Mỹ và CQSG trong giai đoạn 1965-1968 là dùng lực lượng quân sự mạnh, đánh tập trung phá hủy ác liệt với qui mô lớn ở nhiều nơi, khiến nhân dân không sinh sống được trong vùng giải phóng buộc phải chạy vào vùng địch kiểm soát; đối với những nơi người dân bám trụ thì địch tìm mọi cách “gom xức” hàng loạt đưa vào những vùng sâu xa để nhân dân không thể trở về nơi sinh sống cũ.

Việc Mỹ ồ ạt đưa quân Mỹ tham chiến với lực lượng hùng hậu, trang bị vũ khí tối tân trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ” đã làm cho một bộ phận cán bộ, chiến sĩ và nhân dân hoang mang, lo lắng, sợ chiến tranh khốc liệt, nảy sinh tư tưởng dao động, suy giảm ý chí chiến đấu. Trong tình hình đó, đòi hỏi phải có sự lãnh đạo kịp thời của Đảng với chủ trương đường lối đúng đắn và đồng bộ từ Trung ương đến địa phương.

2.2.2. Chủ trương của Trung ương Đảng và các cấp Đảng bộ khu vực Tây Nam Bộ về chống chính sách bình định của Mỹ và chính quyền Sài Gòn giai đoạn 1965-1968

Việc Mỹ đưa quân trực tiếp tham chiến đã làm cho tình hình cách mạng miền Nam diễn biến phức tạp, vận mệnh dân tộc đứng trước những khó khăn, thách thức nghiêm trọng. Trước tình hình đó, từ ngày 25-3 đến 27-3-1965, BCH TƯ Đ tiến hành Hội nghị lần thứ 11 tập trung bàn “*Về tình hình và nhiệm vụ cấp bách trước mắt*”, Hội nghị xác định: “Chúng ta phải hết sức cảnh giác và chuẩn bị sẵn sàng đối phó để có thể thắng địch nếu chúng biến chiến tranh ở miền Nam hiện nay thành chiến tranh cục bộ...”.

Thực hiện quyết tâm của Trung ương Đảng, tháng 12-1965, TƯ CMN ra Nghị quyết về đẩy mạnh đấu tranh quân sự, chính trị nhằm đánh thắng chiến lược “chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ. Về phương châm đấu tranh, Nghị quyết đề ra chủ trương: “Kiên trì phương châm đấu tranh quân sự kết hợp với đấu tranh chính trị. Triệt để vận dụng ba mũi giáp công” để đánh bại các âm mưu của địch về quân sự, chính trị, kinh tế, bình định nông thôn.

Trên cơ sở tiếp thu sự chỉ đạo của Trung ương Đảng, Trung ương Cục, tháng 10-1965, Khu ủy Khu 9 tiến hành đợt chỉnh huấn cho cán bộ từ tiểu đoàn trở lên nhằm quán triệt tình hình nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Khu ủy chủ trương chống địch bình định, lấn chiếm “xúc tát dân”, bảo vệ sinh mạng, tài sản của dân, bám trụ tại địa phương và tổ chức chiến đấu chống địch càn quét.

Thực hiện chủ trương của Khu ủy, các Đảng bộ địa phương khu vực TNB đã có chủ trương, biện pháp chấn chỉnh phong trào, vừa tập trung đánh địch, vừa động viên nhân dân bám đất, bám ấp. Bên cạnh đó, các cấp Đảng bộ khu vực TNB còn chú trọng mặt trận tư tưởng, mở các đợt học tập Chỉ thị và Nghị quyết của Đảng; củng cố chi bộ “ba tốt”, thực hiện phương châm “ba bám” (Đảng bám dân, dân bám đất, lực lượng vũ trang bám đánh địch), “bốn bám” (Đảng bám dân, dân bám đất, lực lượng vũ trang bám đánh địch, cấp trên bám cấp dưới), kiên cường bám trụ để hoạt động sản xuất và thi đua chiến đấu nhằm chống lại CSBD của địch.

Tháng 1-1966, Mỹ mở cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ nhất với hai gọng kìm “tìm diệt” và “bình định” hòng giành lại thế chủ động trên chiến trường. Trước tình hình đó, tháng 3-1966, Trung ương Cục tổ chức Hội nghị lần thứ tư, ra Nghị quyết số 1 về “*Đánh giá tình hình cách mạng miền Nam năm 1965, phương hướng, nhiệm vụ sắp tới và một số nhiệm vụ của cách mạng miền Nam*”, khẳng định quyết tâm: “đánh bại các âm mưu quân sự, chính trị, kinh tế, bình định nông thôn, kìm kẹp đô thị của địch; củng cố và mở rộng thế làm chủ rừng núi và nông thôn đồng bằng, ... tiếp tục phá áp chiến lược, thu hẹp phạm vi kiểm soát của địch,... tạo thời cơ vững chắc để thắng địch trong tình huống cuộc chiến tranh kéo dài và mở rộng cả nước”.

Đến tháng 1-1967, Thường vụ Trung ương Cục ra Chỉ thị “*Phát huy mạnh mẽ thế chủ động tấn công kiên quyết đánh bại âm mưu bình định nông thôn năm 1967 của Mỹ ngụy*”, trong đó khẳng định: Mỹ và CQSG đặt vấn đề bình định nông thôn thành một vấn đề chiến lược đặc biệt quan trọng ở miền Nam. Do đó “phải tăng cường sự lãnh đạo của chi bộ ở vùng căn cứ, vùng giải phóng, vùng yếu, nhất là những nơi địch tiến hành bình định. Phải kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng, củng cố chi bộ với thực tiễn đấu tranh chống âm mưu bình định của địch”.

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Khu ủy Khu 9 và các Tỉnh ủy, quân và dân các địa phương TNB đã chung sức đồng lòng quyết tâm chiến đấu làm thất bại gọng kìm bình định, xóa thế kìm kẹp, từng bước làm thất bại chiến lược bình định miền Nam của Mỹ và CQSG. Cùng với thắng lợi của quân và dân miền Bắc trong cuộc đấu tranh chống chiến tranh phá hoại của Mỹ, đã đẩy chiến lược “Chiến tranh cục bộ” đến bờ vực phá sản, chuyển cách mạng miền Nam sang thời kỳ mới - thời kỳ tổng công kích, tổng khởi nghĩa.

Tháng 12-1967, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng quyết định chuyển cuộc chiến tranh cách mạng miền Nam sang thời kỳ mới, tiến lên giành thắng lợi quyết định bằng phương pháp tổng công kích, tổng khởi nghĩa. Sau đó, đến tháng 1-1968, Hội nghị BCH TƯ Đ lần thứ 14 thông qua Nghị quyết: “*Anh dũng tiến lên, thực hiện Tổng công kích và tổng khởi nghĩa, giành thắng lợi quyết định cho sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước*”. Theo chỉ đạo của Trung ương Cục và Bộ Tư lệnh Miền, khu vực TNB có hai trọng điểm tiến công đợt Tết Mậu Thân: thành phố Cần Thơ (trọng điểm 1) và thị xã Vĩnh Long (trọng điểm 2).

Quán triệt chủ trương của Trung ương Đảng và Trung ương Cục, Khu ủy Khu 9 nhanh chóng xây dựng kế hoạch, tổ chức lại chiến trường, củng cố tổ chức, xây dựng lực lượng, chỉ đạo các đơn vị, địa phương chuẩn bị tác chiến theo yêu cầu mới trong thực hiện tổng công kích và tổng khởi nghĩa Tết Mậu Thân.

Dưới sự lãnh, chỉ đạo của Khu ủy Khu 9, trong đợt Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, quân và dân TNB đã làm chủ nhiều giờ, nhiều ngày ở nhiều nơi, nhiều mục tiêu trong các đô thị. Ở vùng nông thôn, các lực lượng vũ trang như bộ đội địa phương, dân quân, du kích làm nòng cốt cho quần chúng nổi dậy tiến công địch bằng 3 mũi giáp công, bao vây đồn bót địch. Trên chiến trường Vĩnh Long - Trà Vinh, ta đã giải phóng vùng nông thôn rộng lớn từ Vĩnh Long đến các huyện Duyên Hải (Trà Vinh). Điều này đã tạo hiệu ứng tâm lý từ bất ngờ đến bối rối, choáng váng đối với CQSG và quan thầy Mỹ tại khu vực TNB.

Tóm lại, với đường lối, chủ trương đúng đắn, Đảng đề ra chủ trương kiên quyết đấu tranh chống CSBD của Mỹ và chính quyền Sài Gòn. Thắng lợi của quân và dân miền Nam trong việc đánh bại hai cuộc phản công chiến lược mùa khô 1965-1966 và 1966-1967 của Mỹ đã tạo nên thế và lực để quân và dân miền Nam và miền TNB tiến hành cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968

trên toàn miền Nam, đã bẻ gãy hai gọng kìm “tìm diệt” và “bình định”, đồng thời góp phần làm phá sản chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ.

2.3. SỰ CHỈ ĐẠO CỦA ĐẢNG VỀ CHỐNG CHÍNH SÁCH BÌNH ĐỊNH CỦA MỸ VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN Ở TÂY NAM BỘ GIAI ĐOẠN 1965-1968

2.3.1. Chỉ đạo xây dựng, phát triển lực lượng cách mạng tại chỗ, xây dựng hệ thống xã ấp chiến đấu, củng cố và bảo vệ căn cứ địa cách mạng

Cùng với mục đích “chiếm đất, giành dân”, CSBD của Mỹ và CQSG còn nhằm tiêu diệt lực lượng cách mạng, phá hoại căn cứ địa cách mạng, tiêu diệt cơ sở cách mạng. Vì vậy, để chuẩn bị điều kiện tiến lên đánh đổ Mỹ và CQSG, cũng như đánh phá CSBD của địch, Đảng chỉ đạo xây dựng, phát triển lực lượng tại chỗ, củng cố và bảo vệ cơ sở cách mạng để đưa cách mạng tiến lên. “Lực lượng cách mạng tại chỗ, gồm tổ chức cơ sở Đảng, các tổ chức quần chúng và lực lượng vũ trang chiến đấu”. Xây dựng lực lượng cách mạng tại chỗ, củng cố và bảo vệ cơ sở cách mạng là xây dựng thực lực của thể làm chủ để chống phá bình định.

Do đó, đối phó trước âm mưu và hành động càn quét, bình định của Mỹ và CQSG, các cấp Đảng bộ khu vực TNB chú trọng việc xây dựng, phát triển lực lượng tại chỗ, củng cố và bảo vệ cơ sở cách mạng. Đến cuối năm 1967, đầu năm 1968, lực lượng cách mạng khu vực TNB có bước phát triển mới về thể và lực, chuẩn bị sẵn sàng cho cuộc tổng công kích, tổng khởi nghĩa vào Tết Mậu Thân năm 1968.

2.3.2. Chỉ đạo kết hợp đấu tranh chống địch càn quét lấn chiếm, gom dân, lập ấp, nhằm “giữ đất, giữ dân”

Trong những năm 1965-1968, trước những âm mưu, thủ đoạn đánh phá, bình định, của Mỹ và CQSG, dưới sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là TUCMN, của Khu ủy Khu 9, các đảng bộ địa phương, quân và dân TNB quyết tâm chiến đấu chống CSBD của Mỹ và CQSG. Điểm nổi bật trong phong trào chống phá bình định ở TNB giai đoạn 1965-1967 là: phong trào nhân dân tham gia chiến tranh du kích rộng khắp; kết hợp chặt chẽ chống, phá ấp chiến lược với chống địch càn quét; đẩy mạnh các hình thức đấu tranh chính trị của quần chúng; tấn công vào hệ thống kìm kẹp của CQSG ở xã, ấp; giành quyền làm chủ cho nhân dân. Sự lãnh đạo, chỉ đạo đúng đắn, kiên quyết của Đảng trong cuộc đấu tranh chống CSBD của Mỹ và chính quyền Sài Gòn những năm 1965-1967 đã tạo thế và lực để quân và dân ta tiến hành cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968 trên toàn miền Nam, bẻ gãy hai gọng kìm “tìm diệt” và “bình định”, đồng thời góp phần làm phá sản chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ.

2.3.3. Chỉ đạo kết hợp đấu tranh chính trị, binh vận chống bắt lính, vận động làm tan rã địch; đấu tranh chống rải chất độc hóa học, bắn phá tài sản của dân

Để thực hiện gọng kìm “bình định”, ở khu vực TNB, CQSG tìm cách tạo nguồn bằng việc bắt lính, quân sự hóa học đường. Bên cạnh đó, Mỹ và CQSG điều động binh lính đi càn quét, rải chất độc hóa học, bắn phá làm hư hại nhà cửa, tài sản của nhân dân. Trước tình hình đó, Nghị quyết Hội nghị TUCMN “Về một số vấn đề trong công tác nông thôn sắp tới” (5-8-1965) chỉ rõ cần kết hợp các hình thức đấu tranh chính trị, vũ trang và binh vận với khẩu hiệu “chống bắn phá, khủng bố, chống bắt lính, giành ruộng đất, giành chính quyền”. Thực hiện sự chỉ đạo trên, Khu ủy Khu 9 chỉ đạo cán bộ xuống bám địa bàn lãnh đạo phong trào chống khủng bố, chống bắt lính và quân sự hóa học đường. Được sự chỉ đạo trực tiếp của Khu ủy Khu 9, ở Tây Nam Bộ phong trào đấu tranh diễn ra với nhiều hình thức như: chống thu thuế, chống bắt lính đôn quân, chống bắt dân đi làm đồn bót; chống

gom dân, dồn nhà vào ấp tân sinh, đòi trở về chỗ cũ làm ăn; chống hành quân, càn quét, đốt phá, chống bắn pháo và ném bom; đòi bồi thường sinh mạng và tài sản...

2.3.4. Chỉ đạo phối hợp tiến hành cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, bể gãy hai gọng kìm “tìm diệt” và “bình định” của Mỹ

Tháng 1-1968, tại Hội nghị BCH TƯ Đ lần thứ 14, Đảng ta quyết định mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 vào đêm 30 rạng 31-1-1968, hướng tiến công chủ yếu ở đô thị, trọng điểm là Sài Gòn, Đà Nẵng, Huế; không gian tiến công là trên toàn miền Nam.

Thực hiện chủ trương của Đảng, Trung ương Cục và Bộ Tư lệnh Miền chỉ đạo các địa phương TNB tiến hành cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 trên toàn khu vực theo chủ trương chung. Bên cạnh đó, Trung ương Cục xác định khu vực TNB có hai trọng điểm tiến công đợt Tết Mậu Thân: thành phố Cần Thơ (trọng điểm 1) và thị xã Vĩnh Long (trọng điểm 2).

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng và Trung ương Cục, Khu ủy Khu 9 chỉ đạo các đơn vị, địa phương TNB chuẩn bị tác chiến theo yêu cầu mới trong thực hiện tổng công kích và tổng khởi nghĩa Tết Mậu Thân năm 1968. Trong đợt Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, quân và dân TNB đã làm chủ nhiều giờ, nhiều ngày ở nhiều nơi, nhiều mục tiêu trong các đô thị. Ở vùng nông thôn, các lực lượng vũ trang làm nòng cốt cho quần chúng nổi dậy tiến công địch bằng 3 mũi giáp công, bao vây đồn bót địch. Nổi bật là ở chiến trường Vĩnh Long - Trà Vinh, ta đã giải phóng vùng nông thôn rộng lớn từ Vĩnh Long đến huyện Duyên Hải (Trà Vinh). Qua đó, đã gây sự bất ngờ đến bối rối, choáng váng đối với Mỹ và CQSG tại khu vực TNB.

Nhìn chung giai đoạn 1965-1968, quân và dân TNB kiên cường đấu tranh chống lại chiến lược “tìm và diệt” của Mỹ, “bình định, chiếm đóng, kìm kẹp” của chính quyền và quân đội Sài Gòn, giữ vững cục diện chiến tranh trong bối cảnh quân đội Mỹ trực tiếp tham chiến trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ”. Điểm nổi bật trong phong trào chống phá bình định ở TNB giai đoạn 1965-1968 là: phong trào nhân dân tham gia chiến tranh du kích rộng khắp; kết hợp chặt chẽ việc chống phá áp chiến lược với chống địch càn quét và đẩy mạnh các hình thức đấu tranh chính trị của quần chúng; tấn công vào hệ thống kìm kẹp của CQSG ở xã, ấp; giành quyền làm chủ cho nhân dân. Tuy nhiên, sau đợt đầu của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân, ta không kịp thời điều chỉnh về lực lượng và mục tiêu, thiếu linh hoạt trong đối phó với các âm mưu, thủ đoạn bình định của địch, nên từ giữa năm 1968, vùng giải phóng bị thu hẹp, số dân do ta làm chủ mất gần một nửa. Điều này gây khó khăn cho phong trào đấu tranh chống bình định những năm tiếp theo.

Chương 3

ĐẢNG LÃNH ĐẠO PHONG TRÀO CHỐNG CHÍNH SÁCH BÌNH ĐỊNH, LẤN CHIẾM CỦA MỸ VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN Ở MIỀN TÂY NAM BỘ GIAI ĐOẠN 1969-1975

3.1. TÌNH HÌNH MIỀN NAM SAU NĂM 1968 VÀ CHÍNH SÁCH BÌNH ĐỊNH, LẤN CHIẾM CỦA MỸ VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN (1969-1975)

Mặc dù chiến lược “Chiến tranh cục bộ” đã bị phá sản, nhưng với bản chất hiếu chiến và ngoan cố, muốn duy trì chế độ thực dân kiểu mới ở Miền Nam, Mỹ tiếp tục kéo dài chiến tranh ở Việt Nam bằng chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” và chương trình bình định nông thôn được xem là “chìa khóa” giành thắng lợi của chiến lược này. Thực hiện chiến lược chiến tranh này, Mỹ tăng cường viện trợ về kinh tế, quân sự, trang bị phương tiện chiến tranh, hiện đại hóa quân đội Sài Gòn đủ sức gánh trọng trách của chiến tranh. Mặt khác, Mỹ và CQSG thay đổi chiến lược “tìm diệt” bằng biện pháp “quét và giữ”, “phòng ngự chiều sâu”, đẩy mạnh CSBD bằng chương trình

“bình định cấp tốc” vào cuối năm 1968, nhằm kiểm soát toàn bộ người dân và lãnh thổ. “Quét giữ” (quét đến đâu, giữ đến đó) tức là tấn công đẩy lùi đối phương và bình định để giành đất, giành dân, vơ vét của cải, nhân lực, vật lực, phục vụ chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”. Sau đó là hàng loạt chương trình bình định: “Bình định đặc biệt” vào cuối năm 1968, đầu năm 1969, “Bình định phát triển” năm 1970, Kế hoạch “Cộng đồng tự vệ và cộng đồng phát triển địa phương” năm 1971, Kế hoạch Tứ niên Cộng đồng tự vệ và Cộng đồng phát triển địa phương 1972-1975 (gọi tắt là Kế hoạch Tứ niên).

Đặc điểm nổi bật của CSBD nông thôn của Mỹ và CQSG trong giai đoạn 1969-1975 là liên tục triển khai các chương trình bình định, nhằm lấn thêm đất, giành thêm dân trên các địa bàn chiến lược ở nông thôn, nhất là vùng đông dân nhiều của. CSBD của chúng ngày càng toàn diện trên các mặt (chiến tranh tâm lý, chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội), thâm độc, tàn bạo và quyết liệt hơn để đạt được mục đích chiếm đất, giành dân và tiêu diệt cơ sở hạ tầng của cộng sản. Trong giai đoạn này, hoạt động bình định của Mỹ và CQSG được triển khai với quy mô lớn, cường độ đánh phá ác liệt, gây cho ta nhiều khó khăn, tổn thất, mất đất, mất dân. Vì vậy, nhiệm vụ chống bình định ngày càng khó khăn, phức tạp hơn. Do đó, cần phải có sự lãnh đạo kịp thời của Đảng từ Trung ương đến địa phương, với sự quyết tâm của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, vượt qua những thời điểm khó khăn, thử thách, làm thất bại các chương trình, kế hoạch bình định của Mỹ và chính quyền, quân đội Sài Gòn.

3.2. CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG CHỐNG CHÍNH SÁCH BÌNH ĐỊNH, LẤN CHIẾM CỦA MỸ VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN Ở TÂY NAM BỘ (1969-1975)

Trước tình hình Mỹ và CQSG liên tiếp tiến hành các chương trình bình định trên diện rộng, gây cho ta nhiều khó khăn, Trung ương Đảng chủ trương chuyển thế cho phong trào chống CSBD nông thôn ở miền Nam. Nhằm kịp thời điều chỉnh chủ trương, phương hướng chỉ đạo chiến trường miền Nam, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp, ra Nghị quyết số 188-NQ/TW ngày 10-5-1969 “Về tình hình và nhiệm vụ”, trong đó khẳng định: “Nông thôn là địa bàn chiến lược hết sức trọng yếu của ta hiện nay cũng như về sau này”.

Thực hiện quyết tâm của Trung ương Đảng, tháng 7 năm 1969, TƯCMN tiến hành Hội nghị Trung ương Cục lần thứ 9, xác định: địch coi CSBD nông thôn là một bộ phận hết sức trọng yếu trong chiến lược “quét và giữ” và trong toàn bộ chủ trương xuống thang trên thế mạnh của chúng. Đối với khu vực TNB, địch sẽ tập trung “Ra sức giành giật với ta ở đồng bằng sông Cửu Long, chủ yếu là tập trung bình định lấn chiếm, giành dân giữ đất ở các vùng xung yếu, đông dân”... Hội nghị Trung ương Cục lần thứ 9 đánh dấu sự chuyển hướng chỉ đạo đấu tranh chống bình định, chuyển hướng trọng tâm về nông thôn, coi nông thôn là địa bàn hết sức trọng yếu và xác định được những nhiệm vụ quan trọng nhất lúc này là chống bình định. Chủ trương này càng thể hiện sâu đậm, rõ nét từ sau Hội nghị BCH TƯĐ lần thứ 18 (1-1970).

Thực hiện Nghị quyết của TƯCMN, ngày 15-8-1969, Khu ủy Khu 9 ban hành Nghị quyết số 48/CT-T69 về “*công tác phá kèm phá bình định nông thôn*”. Theo đó, Khu ủy xác định: “Nông thôn miền Tây chiếm một vị trí rất quan trọng, là một chiến trường đồng bằng, đông dân nhiều của, nhiều đồng bào Khmer và tôn giáo, có thể bao vây các đô thị, có quan hệ mật thiết trực tiếp với Sài Gòn, giành được nông thôn là giành được thế mạnh trên chiến trường miền Tây”.

Sang năm 1970, địch triển khai chương trình bình định trên diện rộng, thông qua các chương trình Bình định phát triển (1970), Bình định phát triển bổ túc (giữa 1970), đối phương tiếp tục đẩy

mạnh bình định nông thôn trên tất cả các lĩnh vực chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, giáo dục... Trước tình hình đó, ngày 27-1-1970, BCH TƯ Đ tiến hành Hội nghị lần thứ 18 bàn về phương hướng cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới, trong đó xác định: “Đẩy mạnh đấu tranh quân sự và chính trị ở nông thôn, phát động cao trào nổi dậy của quần chúng, ra sức giành dân, giữ dân, mở rộng và củng cố vùng giải phóng, đánh bại kế hoạch bình định nông thôn của địch”.

Bước qua năm 1971, địch đưa chương trình bình định lên mức cao nhất và triển khai chương trình bình định mới tại miền Nam bằng Kế hoạch “Cộng đồng tự vệ và Cộng đồng phát triển địa phương (1971-1972), nhằm đưa chương trình bình định lên mức cao hơn. Căn cứ tình hình thực tế trên chiến trường chống bình định, TƯ CMN ra Chỉ thị số 01/CT71, ngày 5-1-1971, xác định rõ: “Nhiệm vụ phong trào nông thôn tập trung đánh phá bình định, mở rộng thể làm chủ của nhân dân trên hầu khắp thôn xã có ý nghĩa chiến lược đặc biệt quan trọng về chính trị, quân sự để bước đầu phá lỏng tiến lên phá vỡ hệ thống kìm kẹp mới của địch, đánh mạnh vào nền tảng của chính sách Việt Nam hóa chiến tranh, để mở rộng phong trào tấn công chính trị, quân sự, binh vận của ta”.

Sang năm 1972, Mỹ và CQSG chủ trương củng cố vùng lấn chiếm ở nông thôn, kìm được dân, tăng cường lực lượng cơ động, hình thành thể phòng thủ liên hoàn kết hợp chặt chẽ giữa hệ thống cứ điểm, khu đồn dân, áp chiến lược với mạng lưới đồn bót dày đặc. Để thực hiện chủ trương trên, địch đã tiến hành kế hoạch bình định mới: “Kế hoạch cộng đồng tự vệ, cộng đồng phát triển địa phương bốn năm 1972-1975” (kế hoạch Tứ niên), địch cố gắng tăng cường hiệu lực hoạt động của các lực lượng kìm kẹp ở cơ sở, sáp nhập tổ chức Phụng hoàng vào cảnh sát quốc gia, tiếp tục thực hiện chương trình bình định. Trước tình hình đó, vào tháng 5-1971, Bộ Chính trị BCH TƯ Đ chủ trương mở cuộc tiến công chiến lược Xuân Hè trên toàn miền Nam nhằm tiêu diệt một bộ phận quân chủ lực quân đội Sài Gòn, mở rộng vùng giải phóng, thay đổi cục diện chiến tranh, đưa cuộc kháng chiến bước sang một bước mới.

Đầu năm 1973, sau khi bị thất bại liên tiếp trên chiến trường miền Nam và miền Bắc, Mỹ buộc phải ký Hiệp định đình chiến Paris vào ngày 21-1-1973. Nhưng thực tế Mỹ vẫn sử dụng chính quyền và quân đội Sài Gòn làm công cụ để tiếp tục thực hiện chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, phá hoại Hiệp định Paris, cố duy trì chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam. Ở địa bàn TNB, địch triển khai cấm chốt hàng trăm đồn bót, lấn chiếm nhiều xã ấp. Riêng ở Chương Thiện, từ tháng 2 đến tháng 11-1973, địch đã đưa từ 30 đến 75 tiểu đoàn liên tiếp đánh vào vùng Long Mỹ - Chương Thiện nhằm tiếp tục thực hiện CSBD, lấn chiếm.

Trước hành động bình định, lấn chiếm, vi phạm Hiệp định Paris của địch, ngày 3-2-1973, Hội nghị Thường vụ Quân khu ủy Khu 9 mở rộng tiến hành tại xã Vĩnh Viễn (Long Mỹ-Hậu Giang) dưới sự chủ trì của đồng chí Võ Văn Kiệt - Bí thư Khu ủy, Bí thư Quân khu ủy Khu 9, đã đề nghị Trung ương Cục giữ thế tiến công, kiên quyết giáng trả địch lấn chiếm và bình định. Hội nghị xác định tư tưởng chỉ đạo: “Tiến công địch là vấn đề có tính nguyên tắc” và “đánh giữ đất, bảo vệ dân, giữ vững và mở rộng địa bàn”. Cuộc chiến đấu của quân và dân Khu 9 trừng trị địch vi phạm Hiệp định Paris, chống địch bình định, lấn chiếm năm 1973, mà trọng điểm là Chương Thiện đã được đúc rút thành kinh nghiệm và bài học để phổ biến cho toàn Miền học tập và vận dụng trong đấu tranh chống địch bình định.

Tháng 7-1973, Hội nghị lần thứ 21 BCH TƯ Đ được tiến hành, trên cơ sở phân tích diễn biến tình hình miền Nam, Đảng ta đề ra Nghị quyết trong đó chỉ rõ: “nhiệm vụ chính trị hàng đầu của phong trào cách mạng miền Nam hiện nay là giành dân và giành quyền làm chủ của nhân dân ở

khấp nông thôn và thành thị”. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 21 BCH TƯ Đ chứa đựng nhiều quyết sách về cách mạng miền Nam, là sự kiện đánh dấu cột mốc quan trọng trong quá trình lãnh đạo của Đảng ta và sự chuyển biến trong chủ trương chống CSBĐ của Mỹ và CQSG.

Bước sang năm 1974, địch chưa từ bỏ CSBĐ, lấn chiếm, CQSG điều chỉnh lại kế hoạch từ “Tái thiết phát triển năm 1973” sang “An ninh phát triển năm 1974”. Ở khu vực TNB, địch vẫn chưa từ bỏ tham vọng bình định, lấn chiếm. Trong kế hoạch năm 1973-1974, ngoài mục tiêu bình định, lấn chiếm, đối phương còn thêm kế hoạch cướp và thu gom lúa. Theo đó, chúng xây dựng các sân phơi lúa lớn, các khu vực chứa lúa... nhằm cướp và thu gom lúa của dân.

Sau đó, tháng 8-1974, TƯ CMN tổ chức Hội nghị tổng kết đánh phá bình định toàn B2 và ban hành Nghị quyết số 01/NQ-74, tháng 9-1974 về “*Đánh bại chính sách bình định lấn chiếm mới của Mỹ ngụy, tiến lên hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam*”, đề ra nhiệm vụ đánh bại kế hoạch bình định của địch trong thời gian tiếp theo. Đây là một Nghị quyết chuyên đề về chống địch bình định của Đảng ta trong giai đoạn cuối của cuộc chiến tranh.

3.3. SỰ CHỈ ĐẠO CỦA ĐẢNG VỀ CHỐNG CHÍNH SÁCH BÌNH ĐỊNH, LẤN CHIẾM CỦA MỸ VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN Ở TÂY NAM BỘ (1969-1975)

3.3.1. Chỉ đạo xây dựng, củng cố phát triển lực lượng cách mạng tại chỗ, củng cố và bảo vệ căn cứ cách mạng

Sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân, ở khu vực TNB, đến cuối năm 1969, địch bình định lấn chiếm gần hết vùng giải phóng trước đây, chỉ còn căn cứ U Minh và khu giải phóng nam Cà Mau; lực lượng vũ trang tổn thất, lực lượng chính trị sa sút nghiêm trọng, để né tránh bom đạn của Mỹ và CQSG, nhân dân miền Tây phải chạy ra vùng địch kiểm soát; ở nhiều địa phương, cán bộ cơ sở trốn khỏi địa bàn hoạt động để bảo toàn lực lượng. Đây được xem là thời kỳ lực lượng vũ trang khu vực TNB gặp khó khăn, thiếu thốn nhất kể từ sau thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp. Do đó, yêu cầu cấp bách của chiến trường TNB lúc này là phải vừa chiến đấu, vừa xây dựng, củng cố, phát triển lực lượng tại chỗ và bảo vệ căn cứ, cơ sở cách mạng, nhằm xây dựng thực lực để chống địch bình định, lấn chiếm. Xây dựng lực lượng tại chỗ vững mạnh là nét nổi bật, đóng vai trò quan trọng đến thắng lợi của phong trào đấu tranh chống CSBĐ của Mỹ và CQSG giai đoạn 1965-1975.

3.3.2. Chỉ đạo đấu tranh chống địch bình định, lấn chiếm, đòi thi hành Hiệp định Paris, quyết tâm “giữ đất, giành dân, giữ lúa”

Trong giai đoạn 1969-1975, CSBĐ của Mỹ và CQSG được triển khai liên tục bằng các chương trình bình định với quy mô lớn, cường độ đánh phá ác liệt, nhằm lấn thêm đất, giành thêm dân trên các địa bàn chiến lược ở nông thôn, nhất là vùng đông dân nhiều của, gây cho ta nhiều khó khăn, tổn thất.

Khi địch chuyển từ kế hoạch “bình định cấp tốc” sang “bình định đặc biệt”, mở chiến dịch “Nhỏ cỏ U Minh” ở khu vực TNB vào đầu năm 1969, Thường vụ Quân khu ủy Khu 9 chỉ đạo tất cả lực lượng vũ trang ở Khu 9 phải kiên trì bám trụ, đánh bại ý đồ lấn chiếm U Minh của địch. Trong giai đoạn 1969-1972, Đảng lãnh đạo quân và dân TNB đấu tranh chống các kế hoạch bình định: “Bình định cấp tốc”, “Bình định đặc biệt”, “Bình định bổ túc”, “Bình định xây dựng phát triển”, Kế hoạch “Cộng đồng tự vệ và Cộng đồng phát triển địa phương” (1971-1972), Kế hoạch Tứ niên (1972-1975)... Giai đoạn này, Mỹ và CQSG liên tục thực hiện các chương trình bình định với những cố gắng cao nhất, nhưng bị phá sản trước cuộc Tiến công Xuân - Hè năm 1972 của quân và dân ta.

Sang năm 1973, sau khi bị thất bại liên tiếp trên chiến trường miền Nam và miền Bắc, Mỹ buộc

phải ký Hiệp định đình chiến ở Paris (27-1-1973). Nhưng thực tế Mỹ vẫn sử dụng chính quyền và quân đội Sài Gòn làm công cụ duy trì chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam Việt Nam. Thời điểm này, địch lấy khu vực TNB làm địa bàn trọng điểm bình định, lấn chiếm. Thực tế, dù Hiệp định đình chiến Paris được ký kết, nhưng vùng đồng bằng sông Cửu Long vẫn không ngừng bắn, chiến tranh vẫn tiếp diễn, thậm chí có nơi còn ác liệt hơn trước lúc ký Hiệp định Paris như chiến trường Chương Thiện.

Để thực hiện bình định lấn chiếm Chương Thiện, chúng tập trung 52 tiểu đoàn, sau đó tăng dần lên đến 75 tiểu đoàn, với khoảng 22.000 tên (cả lực lượng chủ lực, bảo an quân), và trên 14.000 phòng vệ xung kích. Tháng 3-1973, địch mở đầu kế hoạch bằng các đợt đột phá khu vực Tây Nam Long Mỹ, lấy địa bàn huyện Long Mỹ - Vị Thanh làm trọng điểm đánh phá và coi đây là bàn đạp đánh chiếm khu căn cứ cách mạng U Minh, và tạo lá chắn bảo vệ cơ quan đầu não vùng IV chiến thuật ở thành phố Cần Thơ.

Trước tình hình đó, Bộ Tư lệnh Quân khu 9 quyết tâm đánh bại hoạt động lấn chiếm và cướp lúa của địch và chỉ đạo các địa phương TNB: “Chống lấn chiếm kết hợp với chống cướp lúa. Kiên định nguyên tắc bám trụ vững chắc, kết hợp cơ động tấn công. Địa bàn trọng điểm của Quân khu vẫn là Chương Thiện. Các tỉnh phải tiến hành kế hoạch tiến công rộng khắp căng kèm không để địch dồn lực lượng về trọng điểm Quân khu”. Dưới sự lãnh, chỉ đạo trực tiếp của Khu ủy Khu 9, quân dân Cần Thơ phối hợp các địa phương khu vực Tây Nam Bộ đánh thắng 75 lượt tiểu đoàn địch bình định, lấn chiếm Chương Thiện. Chiến thắng Chương Thiện năm 1973 là thắng lợi lớn của Đảng bộ, quân và dân Khu 9 trong đấu tranh chống phá bình định, qua đó giữ được đất, bảo vệ dân, mở rộng vùng giải phóng. Thắng lợi này đã thúc đẩy phong trào phá gỡ đồn bót địch trong toàn Khu, mở nhiều lữm giải phóng, làm thất bại kế hoạch lấn chiếm U Minh của địch, đẩy lùi chương trình bình định phát triển của đối phương tại trọng điểm số một ở khu vực TNB trong năm 1973.

Đến đầu năm 1974, CQSG vẫn chưa từ bỏ tham vọng bình định lấn chiếm khu vực TNB, CQSG thực hiện kế hoạch năm 1973-1974, theo đó, ngoài mục tiêu bình định, lấn chiếm, địch còn thêm kế hoạch cướp và thu gom lúa. Thực hiện âm mưu này, chúng cho xây dựng các sân phơi lúa lớn, các khu vực chứa lúa... nhằm cướp và thu gom lúa của dân tại đây. Nhưng đến cuối năm 1974, quân và dân TNB đã bao vây, bức rút nhiều đồn bót địch, giải phóng nhiều xã, ấp; thu hồi từng mảng lớn ở nông thôn, đẩy địch co cụm về thị xã, thị trấn. Giai đoạn này, ta đã giải phóng và giữ nhiều vùng giải phóng mà CQSG không còn khả năng chiếm lại. Kế hoạch bình định, lấn chiếm của CQSG trên chiến trường miền Nam căn bản đã thất bại.

Sang đầu năm 1975 - thời kỳ cáo chung của CQSG, phong trào đấu tranh chống CSBD của quân và dân miền Nam nói chung và khu vực TNB nói riêng đã không ngừng phát triển, tấn công địch trên tất cả các mặt trận, ba mũi giáp công, tạo nên sức mạnh tổng hợp, phá vỡ mọi nỗ lực bình định lấn chiếm của quân đội và CQSG.

3.3.3. Chỉ đạo kết hợp đấu tranh chính trị, binh vận chống bắt lính, chiêu hồi; vận động làm tan rã địch

Thất bại trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, Mỹ thay bằng chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” (1969-1975), rút dần binh lính Mỹ về nước, chuyển giao vai trò chính trên chiến trường cho quân đội Sài Gòn. Do đó, địch ban hành lệnh tổng động viên, lùng sục bắt lính, dồn quân để tăng cường lực lượng quân đội Sài Gòn, bằng cách dựng các điểm “tuyển quân nhập ngũ”, “quân sự hóa học đường”, tăng tuổi quân dịch đối với nam giới từ 17 đến 45 tuổi.

Trước tình hình đó, Nghị quyết Hội nghị TƯCMN lần thứ 9 (7-1969) chỉ rõ: “Các cấp ủy và các ngành phải phát động cho được một phong trào quyết liệt *chống bắt lính* trong thanh niên và trong cả toàn dân để kết hợp tiêu diệt địch và làm mất nguồn bổ sung của địch. Trong phong trào này, cấp ủy phải dựa vào ngành binh vận và các đoàn thể”. Thực hiện chỉ đạo của Trung ương Cục, Khu ủy Khu 9 kịp thời chỉ đạo cán bộ Tỉnh ủy, Huyện ủy và cán bộ các ban ngành, đoàn thể tỉnh, huyện các địa phương xuống bám địa bàn lãnh đạo phong trào chống bắt lính, chống quân sự hóa học đường.

Nhìn chung trong giai đoạn 1969-1975, ở khu vực TNB, phong trào đấu tranh chống bắt lính, chiêu hồi, vận động làm tan rã địch diễn ra sôi nổi, liên tiếp, với nhiều cuộc đấu tranh có sự tham gia của hàng ngàn người, bao gồm nhiều thành phần, như: học sinh, sinh viên, sư sãi, đồng bào Khmer, phụ nữ và gia đình binh lính quân đội Sài Gòn. Các cuộc đấu tranh này góp phần phân hóa kẻ thù, nhiều binh lính quân đội Sài Gòn chống lệnh càn quét, chống đôn quan bằng cách rã ngũ, đào ngũ hoặc tự gây thương tật và phản chiến tập thể qui mô từ trung đến đại đội. Qua đó làm suy yếu kẻ thù, góp phần đưa cuộc đấu tranh chống bình định, lấn chiếm của quân và dân ta giành thắng lợi.

3.3.4. Chỉ đạo quân và dân Tây Nam Bộ tiến hành Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, phong trào đấu tranh chống địch bình định giành thắng lợi hoàn toàn

Bước sang năm 1975, CQSG vẫn chưa từ bỏ tham vọng bình định, lấn chiếm, tiếp tục tập trung nỗ lực vào công tác bình định và an ninh lãnh thổ. Tuy nhiên, những thất bại về quân sự, khó khăn về kinh tế, khủng hoảng về chính trị đã khiến cho tinh thần chiến đấu của binh lính, sĩ quan của quân đội Sài Gòn giảm sút nghiêm trọng, không còn đủ sức làm nòng cốt cho kế hoạch bình định lấn chiếm của CQSG.

Ở giai đoạn cuối cuộc KCCMCN, phong trào đấu tranh chống CSBD của quân và dân miền Nam và miền TNB đã không ngừng phát triển, tấn công địch trên tất cả các mặt trận, tạo nên sức mạnh tổng hợp, phá vỡ mọi nỗ lực bình định lấn chiếm của quân đội và CQSG. Với cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 đã đánh dấu sự thắng lợi hoàn toàn của phong trào đấu tranh chống CSBD của quân và dân miền TNB, đã góp phần hoàn thành thắng lợi cuộc KCCMCN trong gần 21 năm của nhân dân Việt Nam.

Chương 4

NHẬN XÉT VÀ MỘT SỐ KINH NGHIỆM

4.1. NHẬN XÉT SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CHỐNG CHÍNH SÁCH BÌNH ĐỊNH CỦA MỸ VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN Ở MIỀN TÂY NAM BỘ (1965-1975)

4.1.1. Ưu điểm và nguyên nhân

4.1.1.1. Ưu điểm

Những thành tích trong đấu tranh chống địch bình định giai đoạn 1965-1975 của quân và dân miền TNB là kết quả của chủ trương, đường lối đúng đắn của Trung ương Đảng; sự vận dụng sáng tạo chủ trương, đường lối của Đảng vào thực tiễn địa phương của các cấp ủy Đảng miền Nam và Tây Nam Bộ trong phong trào đấu tranh chống bình định của Mỹ và CQSG.

Một là, về chủ trương

Chủ trương đấu tranh chống địch bình định, lấn chiếm của Đảng ta là chủ trương đúng đắn, phù hợp với nguyện vọng giành quyền tự do, dân chủ của nhân dân. Thực tế phong trào đấu tranh chống địch bình định của quân và dân ta đã chỉ ra rằng để giành thắng lợi phải có chủ trương

đúng đắn, phương pháp đấu tranh phù hợp, kịp thời để đánh bại các âm mưu, thủ đoạn bình định lấn chiếm của Mỹ và CQSG. Đảng đã nhận thức và đánh giá đúng âm mưu và thủ đoạn bình định của địch, từ đó đề ra chủ trương kịp thời, kiên quyết đấu tranh chống địch bình định, lấn chiếm nhằm giữ đất và giành quyền làm chủ cho nhân dân.

Với chủ trương đúng đắn của Trung ương Đảng, sự lãnh đạo của các cấp bộ Đảng, quân và dân TNB đã vượt qua những khó khăn, thử thách, chủ động, linh hoạt đấu tranh chống CSBD lấn chiếm của địch, ngăn chặn và đẩy lùi từng bước các kế hoạch, chương trình bình định của Mỹ và CQSG, từng bước đẩy địch vào thế bị động, suy yếu, tan rã. Thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 đánh dấu sự thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, trong đó có phong trào đấu tranh chống CSBD của quân và dân Tây Nam Bộ.

Hai là, về sự chỉ đạo và kết quả

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng, Trung ương Cục, các cấp bộ Đảng miền TNB đã chỉ đạo phong trào đấu tranh chống bình định với nội dung và hình thức phong phú; đề ra các biện pháp lãnh đạo kịp thời và hiệu quả cuộc đấu tranh chống địch bình định.

Trong quá trình lãnh đạo đấu tranh chống địch bình định, các cấp Đảng bộ TNB luôn quán triệt và chấp hành chủ trương của Đảng, nhưng quá trình thực hiện có sự sáng tạo, linh hoạt vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng sát hợp với tình hình thực tế của địa phương với tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trước Đảng, trước nhân dân. Qua đó, đã lãnh đạo quân và dân Tây Nam Bộ giành thắng lợi trong cuộc đấu tranh chống chính sách bình định của Mỹ và CQSG trong các giai đoạn của cuộc chiến tranh.

4.1.1.2. Nguyên nhân thành công

Thứ nhất, nguyên nhân đạt được những kết quả nêu trên trước hết là do Trung ương Đảng, Trung ương Cục miền Nam kịp thời đề ra chủ trương, đường lối đúng đắn về chống chính sách bình định của Mỹ và chính quyền Sài Gòn.

Thứ hai, Khu ủy Khu 9 và Đảng bộ các tỉnh TNB đã quán triệt, linh hoạt vận dụng sáng tạo chủ trương, đường lối của Đảng vào thực tiễn ở miền TNB. Từ chủ trương đúng đắn và nhận thức, đánh giá đúng âm mưu và thủ đoạn bình định của địch, các cấp bộ Đảng miền TNB đã có sự chỉ đạo kịp thời, kiên quyết đấu tranh chống địch bình định, lấn chiếm nhằm giữ đất và giành quyền làm chủ cho nhân dân.

Thứ ba, yếu tố hết sức quan trọng đưa đến thắng lợi của phong trào đấu tranh chống bình định ở Tây Nam Bộ là lòng yêu nước, tính chủ động và sáng tạo của nhân dân Tây Nam Bộ.

Thứ tư, sự phối hợp nhịp nhàng giữa chiến trường miền TNB với các chiến trường Đông Nam Bộ, Trung Nam Bộ, Khu 5 đã giúp căng kéo, giảm áp lực quân sự, tạo điều kiện thuận lợi để quân và dân miền TNB đẩy lùi chương trình bình định của địch ở nhiều nơi ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

4.1.2. Hạn chế và nguyên nhân

4.1.2.1. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình Đảng lãnh đạo phong trào đấu tranh chống địch bình định lấn chiếm ở miền TNB còn một số hạn chế trong chủ trương, đường lối, quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và kết quả của phong trào.

- Về hoạch định chủ trương

Trong quá trình lãnh đạo đấu tranh chống địch bình định lấn chiếm, có lúc việc hoạch định đường lối, chủ trương của Đảng *chưa kịp thời, phù hợp, chưa sát thực tiễn địa phương; chưa đánh giá đúng các âm mưu, thủ đoạn bình định của địch.*

- Về sự chỉ đạo

Trong quá trình lãnh đạo đấu tranh chống địch bình định lấn chiếm, Đảng đã có một số sai lầm trong chỉ đạo chiến lược, chậm điều chỉnh, thiếu linh hoạt trong đối phó với các âm mưu, thủ đoạn bình định của địch; có lúc TUCMN chỉ đạo chưa sát thực tiễn địa phương; trong hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo giữa Khu ủy và Quân khu ủy có giai đoạn chưa thật sự đoàn kết thống nhất cao.

- Về kết quả

Phong trào đấu tranh chống các chương trình bình định của Mỹ và CQSG cơ bản đã diễn ra với nội dung và hình thức đấu tranh theo đúng kế hoạch. Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình đấu tranh cách mạng có lúc lực lượng vũ trang bị tổn thất nặng nề, đặc biệt sau đợt đầu tiên trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân năm 1968, ta tổ chức đánh bồi các đợt sau đó làm cho sức chiến đấu của lực lượng vũ trang giảm sút, trong khi đối phương đã vượt qua được sự bất ngờ, sau đó tổ chức lực lượng phản kích quyết liệt, dẫn đến lực lượng của ta bị tiêu hao. Tổn thất này là bài học cho các cấp Đảng bộ trong quá trình lãnh, chỉ đạo trong giai đoạn tiếp sau.

4.1.2.2. Nguyên nhân của hạn chế

- *Nguyên nhân khách quan:* Cuộc đấu tranh chống phá bình định, lấn chiếm của nhân miền Nam nói chung và nhân dân miền TNB nói riêng là cuộc đối đầu với Mỹ và CQSG; trong khi Mỹ là một cường quốc hàng đầu về kinh tế và quân sự. Chính quyền Sài Gòn và quan thầy Mỹ liên tục thay đổi chương trình, kế hoạch, phương thức và thủ đoạn bình định, lấn chiếm làm cho cuộc đấu tranh chống địch bình định của quân và dân miền TNB gặp nhiều khó khăn, mất mát, hy sinh.

- *Nguyên nhân chủ quan:* Trong suốt quá trình lãnh đạo cuộc kháng chiến, có thời điểm Trung ương Đảng chậm chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, đề ra chủ trương chống địch bình định chưa sát kịp với tình hình. TUCMN có lúc đề ra chủ trương, sự chỉ đạo chưa sát đúng với thực tế tại khu vực TNB. Ngoài ra, các cấp Đảng bộ khu vực TNB đôi khi chưa quan tâm đúng mức công tác xây dựng Đảng, công tác dân vận, xây dựng lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang, công tác xây dựng tổ chức quần chúng; chưa chú trọng đúng mức công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, chiến sĩ.

4.2. KINH NGHIỆM TỪ QUÁ TRÌNH ĐẢNG LÃNH ĐẠO PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CHỐNG CHÍNH SÁCH BÌNH ĐỊNH CỦA MỸ VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN Ở MIỀN TÂY NAM BỘ (1965-1975)

4.2.1. Đánh giá đúng âm mưu, thủ đoạn bình định của địch, làm cơ sở cho việc hoạch định chủ trương, phương pháp đấu tranh đúng đắn, phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương

4.2.2. Kết hợp chặt chẽ ba mũi tiến công: chính trị - quân sự - binh vận tạo nên sức mạnh tổng hợp trong cuộc đấu tranh chống địch bình định

4.2.3. Xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh, kiên cường bám trụ, quyết tâm đẩy lùi mọi chương trình bình định của địch

4.2.4. Dựa chắc vào quần chúng nhân dân trong đấu tranh chống chính sách bình định

4.2.5. Chú trọng công tác xây dựng tổ chức cơ sở Đảng vững mạnh, làm hạt nhân lãnh đạo phong trào đấu tranh chống bình định.

KẾT LUẬN

1. Trong chiến tranh xâm lược Việt Nam, Mỹ và chính quyền Sài Gòn luôn coi chính sách bình định (pacification plan) là “quốc sách”, là chìa khóa đóng vai trò then chốt, quyết định sự thành bại của cuộc chiến. Do đó, trong các giai đoạn chiến tranh ở Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975, Mỹ thực hiện hàng loạt chương trình, kế hoạch bình định với mục đích cốt lõi nhằm chiếm đất, giành dân, tiêu diệt lực lượng cách mạng, phá hoại căn cứ địa cách mạng. Chính sách bình định được thực hiện thông qua những chương trình, kế hoạch, biện pháp hành động của cả bộ máy CQSG (sử dụng lực lượng bảo an, dân vệ, tề điệp, cảnh sát, quân đội, mật vụ...), đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của cố vấn quân sự và dân sự Mỹ. Chính sách này được triển khai liên tục, gắn liền và tương ứng với mỗi chiến lược chiến tranh dưới những tên gọi khác nhau, quy mô ngày càng lớn.

Trong giai đoạn thực hiện chiến lược “Chiến tranh cục bộ” (1965-1968), Mỹ đưa quân trực tiếp tham chiến cùng với quân các nước đồng minh - là lực lượng chủ yếu làm nhiệm vụ “tìm diệt” Quân Giải phóng miền Nam; quân đội Sài Gòn là lực lượng chủ yếu làm nhiệm vụ “bình định”, chiếm đóng với những cuộc hành quân qui mô lớn, cùng những vũ khí hiện đại, tối tân và thủ đoạn bình định tàn bạo, ác liệt. Triển khai chiến lược “chiến tranh cục bộ”, Mỹ và chính quyền Sài Gòn lấy miền Đông Nam Bộ làm chiến trường chủ yếu để “tìm diệt”; miền TNB là chiến trường chủ yếu để tiến hành “bình định”. Sang giai đoạn thực hiện chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” (1969-1975), chương trình bình định nông thôn được xem là chìa khóa để giành thắng lợi của chiến lược chiến tranh này. Thực hiện chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, Mỹ thay đổi chiến lược “tìm diệt” bằng biện pháp “quét và giữ”, tiến hành bình định dồn dập trên quy mô lớn, đồng thời triển khai hàng loạt biện pháp nhằm triệt phá cơ sở cách mạng miền Nam. Trong giai đoạn này, Mỹ và chính quyền Sài Gòn xác định khu vực ưu tiên bình định là địa bàn xung quanh Sài Gòn, đồng bằng sông Cửu Long, Khu 5 và Trị Thiên. Từ sau khi Hiệp định Paris được ký kết, vùng đồng bằng sông Cửu Long trở thành là khu vực trọng điểm trong chính sách bình định của địch.

Như vậy, kế hoạch bình định của Mỹ và chính quyền Sài Gòn là nhằm chiếm đất, giành dân, tiêu diệt lực lượng và các cơ sở hạ tầng của cách mạng; đồng thời, thiết lập một thể chế tổ chức hành chính thống nhất, áp đặt kiểu thống trị thực dân kiểu mới ở miền Nam Việt Nam.

2. Phong trào đấu tranh chống chính sách bình định ở khu vực Tây Nam Bộ giai đoạn 1965-1975 cho thấy sự lãnh đạo sáng suốt của Trung ương Đảng, vai trò lãnh đạo trực tiếp của Trung Ương Cục miền Nam.

Ngay từ khi Mỹ đưa quân vào miền Nam, tiến hành chiến lược “chiến tranh cục bộ”, tại Hội nghị lần thứ 12 BCHTW (12-1965) Đảng đã hạ quyết tâm: “Động viên lực lượng của cả nước, kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trong bất cứ tình huống nào”. Trên tinh thần đó, Trung ương Cục miền Nam đã khẳng định quyết tâm: “Đánh bại các âm mưu quân sự, chính trị, kinh tế, bình định nông thôn, kìm kẹp đô thị của địch; củng cố và mở rộng thế làm chủ rừng núi và nông thôn đồng bằng”. Thực hiện chủ trương của Khu ủy, các Đảng bộ địa phương khu vực TNB đã có chủ trương, biện pháp chấn chỉnh phong trào, vừa tập trung đánh địch, vừa động viên nhân dân bám đất, bám ấp. Các cấp đảng bộ triệt để thực hiện phương châm “ba bám”, “bốn bám”, kiên cường bám trụ để hoạt động sản xuất và thi đua chiến đấu nhằm chống lại CSBD của địch.

Tuy còn có một số hạn chế, song nhìn chung chủ trương của Trung ương Đảng và Trung ương Cục miền Nam là đúng đắn, kịp thời, là cơ sở để các đảng bộ địa phương Tây Nam Bộ triển khai kế hoạch đấu tranh chống chính sách bình định của Mỹ và CQSG, giành đất, giành dân, phối hợp với

lực lượng vũ trang từng bước đánh bại các chiến lược chiến tranh xâm lược của Mỹ. Phong trào đấu tranh chống CSBD của Mỹ và CQSG giai đoạn 1965-1975 của quân và dân miền TNB là kết quả của chủ trương, đường lối đúng đắn của Trung ương Đảng, Trung ương Cục miền Nam; là kết quả của sự vận dụng sáng tạo chủ trương, đường lối của Đảng vào thực tiễn địa phương của Khu ủy Khu 9 và các cấp bộ đảng ở các tỉnh Tây Nam Bộ.

3. Vận dụng chủ trương, đường lối đúng đắn của Trung ương Đảng, Trung ương Cục, các cấp bộ Đảng miền TNB đã chỉ đạo phong trào đấu tranh chống bình định một cách sáng tạo, linh hoạt với nội dung và hình thức phong phú, sát hợp với tình hình thực tế của địa phương. Phong trào đấu tranh chống CSBD của Mỹ và CQSG ở miền TNB từ năm 1965 đến năm 1975 vừa mang những đặc điểm của cuộc đấu tranh cách mạng chung trên toàn miền Nam, vừa mang nét đặc thù riêng của vùng đồng bằng sông nước.

Về hình thức đấu tranh, do vùng TNB có địa hình bằng phẳng, sông ngòi kênh rạch chằng chịt, hệ thống thủy bộ liên hoàn nên hoạt động chống CSBD được kết hợp với nhiều hình thức khác nhau như: tiêu diệt hạm đội nhỏ trên sông; sử dụng các cách đánh thô sơ như hầm chông, cạm bẫy, lựu đạn gài kết hợp vũ khí hiện đại để đánh địch; dùng ong vò vẽ hay dùng giàn thun bắn tiêu diệt địch; hoặc dùng súng trường bắn tỉa, đào chiến hào đánh lấn đồn bót địch; tổ chức và tiến hành các chiến dịch tổng hợp đánh phá bình định, mở mang mở vùng, phù hợp với đặc thù của chiến trường đồng bằng sông nước miền TNB.

Về lực lượng, cuộc đấu tranh chống CSBD gồm các lực lượng tổng hợp như: lực lượng chính trị của quần chúng, lực lượng vũ trang ba thứ quân (dân quân du kích, bộ đội địa phương tỉnh, huyện, bộ đội chủ lực của Quân khu và Miền).

Về phương thức, đánh địch bằng ba mũi giáp công (quân sự, chính trị, binh vận), tiến công trên các vùng chiến lược nông thôn đồng bằng, thành thị. Riêng vùng đồng bằng, phối hợp tiến công trên ba vùng: vùng địch kìm kẹp, vùng tranh chấp, vùng giải phóng. Cuộc đấu tranh chống bình định còn được tiến hành với các chiến dịch tổng hợp: tiến công quân sự chống định lấn chiếm để nhân dân giữ đất, phá kìm; tiến công quân sự tiêu diệt căn cứ của địch để nhân dân nổi dậy giành quyền làm chủ. Đây chính là những nét là nét độc đáo, sáng tạo của Đảng bộ, quân và dân miền TNB.

Trong phong trào chống địch bình định, quân và dân TNB kết hợp đấu tranh chính trị, quân sự, binh vận đấu tranh chống địch lấn chiếm, đòi thi hành Hiệp định Paris, quyết tâm “giữ đất, giành dân, giữ lúa”; đấu tranh chính trị, binh vận chống bắt lính, chiêu hồi; vận động làm tan rã địch; kết hợp sức mạnh tổng hợp, quân và dân Tây Nam Bộ cùng nhân dân cả nước tiến hành Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, đưa phong trào đấu tranh chống địch bình định giành thắng lợi hoàn toàn.

4. Trong thời kỳ KCCMCN, TNB có vị trí chiến lược quan trọng, là căn cứ địa và hậu phương tại chỗ cung cấp sức người, sức của cho cách mạng. Bên cạnh đó, với đặc điểm là vùng đất đa dân tộc, đa tôn giáo nên trong cuộc KCCMCN nói chung và trong đấu tranh chống địch bình định, ở khu vực TNB có sự tham gia của đông đảo đồng bào dân tộc, tôn giáo, nhất là đồng bào Khmer. Trên thực tế, đồng bào dân tộc thiểu số và các giáo dân là lực lượng quan trọng trong các mặt đấu tranh chính trị, binh vận, tạo thế liên hoàn với mũi quân sự, tạo nên sức mạnh to lớn góp phần vào thắng lợi của cuộc đấu tranh chống CSBD của Mỹ và CQSG.

Thắng lợi của phong trào đấu tranh chống CSBD ở khu vực TNB để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý cho cách mạng Việt Nam nói chung, trong đó là bài học về quán triệt, nắm vững quan

điểm, đường lối của Đảng trên cơ sở vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của địa phương để từ đó đề ra biện pháp, phương thức đấu tranh phù hợp thực tiễn địa phương.

Trong giai đoạn hiện nay, TNB có vị trí chiến lược quan trọng về chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh đối với đất nước và khu vực. Do đó, trong thời gian qua, Bộ Chính trị đã ban hành hàng loạt nghị quyết, chỉ thị nhằm phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đất chín rồng, như: Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 20-01-2003 *“Về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2001-2010”*; Kết luận số 28- KL/TW, ngày 14-8-2012 của Bộ Chính trị *“Về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2011-2020”*; Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 2-4-2022 *“Về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”*. Những nghị quyết, chỉ thị này đi vào thực tiễn đời sống sẽ mở ra chương mới cho vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Tuy nhiên, thời gian qua và hiện nay, các thế lực thù địch thường lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo nhằm chia rẽ khối đoàn kết dân tộc, gây mất an ninh chính trị, mất trật tự an toàn xã hội ở khu vực TNB. Một số phần tử phản động cố tình xuyên tạc lịch sử vùng đất TNB, đưa ra vấn đề “Nhà nước Khmer Krom” nhằm kích động, gây xáo trộn trong đời sống và tư tưởng của một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số; gây nên sự bất ổn về an ninh chính trị, trật tự an toàn trên địa bàn. Trước tình hình đó, vận dụng những bài học kinh nghiệm trong phong trào chống CSBD của Mỹ và CQSG vẫn còn giá trị thiết thực, đó là bài học về xây dựng tổ chức cơ sở đảng vững mạnh, làm hạt nhân lãnh đạo đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, xuyên tạc lịch sử vùng đất TNB, vô hiệu hóa hoạt động của các đối tượng phản động lợi dụng vấn đề nhân quyền, dân tộc, tôn giáo để gây mất ổn định; bài học về lấy dân làm gốc, “trọng dân, yêu dân, thân dân, bám dân”, phát huy thế trận lòng dân, xây dựng thế trận an ninh nhân dân gắn với thế trận quốc phòng toàn dân; bài học về đoàn kết toàn dân trên cơ sở đoàn kết, gắn bó giữa hai dân tộc Việt - Khmer trong công cuộc xây dựng và phát triển vùng đồng bằng sông Cửu Long ngày càng giàu đẹp, góp phần cùng cả nước thực hiện mục tiêu xây dựng nước Việt Nam giàu mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, phồn vinh, hạnh phúc./.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN
ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1. Trương Thị Nhụy (2015), “*Giá trị lịch sử của chiến thắng Chương Thiện năm 1973 trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước*”, Tạp chí Lịch sử Đảng, số 296 (7-2015).
2. Trương Thị Nhụy (2019), “*Cần Thơ chủ động đánh bại kế hoạch bình định lấn chiếm, kiên quyết trừng trị địch vi phạm Hiệp định Paris*”, Thông tin khoa học chính trị - Học viện Chính trị khu vực IV, số 02 (15)/2019.
3. Trương Thị Nhụy (2021), “*Tây Nam Bộ - địa bàn chiến lược trong âm mưu bình định của Mỹ và CQSG (1954-1975)*”, Thông tin khoa học chính trị - Học viện Chính trị khu vực IV, số 03 (24)/2021.
4. Trương Thị Nhụy (2021), “*“Kế hoạch Phụng Hoàng” của Mỹ và chính quyền tay sai với âm mưu bình định miền Tây Nam Bộ*”, Tạp chí Lịch sử Quân sự, số 357 (9/2021).
5. Trương Thị Nhụy (2024), “*Quân dân các địa phương Tây Nam Bộ đấu tranh chống chính sách bình định của Mỹ và chính quyền Việt Nam Cộng hòa (1965-1967)*“. Tên tạp chí: Tạp chí Lịch sử Đảng. Ngày đăng: số 404, tháng 7-2024.
6. Trương Thị Nhụy (2024), “*Kế hoạch “Tứ niên” của Mỹ và chính quyền Việt Nam Cộng hòa trong âm mưu bình định miền Tây Nam Bộ (1972-1975)*“. Tên tạp chí: Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử. Ngày đăng: số 6 (578) tháng 9-2024.
7. Trương Thị Nhụy (2025), “*Chủ trương của Trung ương Đảng và các cấp bộ Đảng khu vực Tây Nam Bộ về chống chính sách bình định của Mỹ và chính quyền Việt Nam Cộng hòa (1965-1975)*“. Tên tạp chí: Tạp chí Lịch sử Đảng. Ngày đăng: số 412, tháng 3-2025.